

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 321, NĂM THỨ 26

THÁNG 4-2021



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com
Mạng Nhận Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

BÌNH ANSON

CHÂN ĐẠI LƯỢNG

MINH HÒA

NHÂN CA

TÂM KHÔNG

TÂM TUỆ TỈNH

TUỆ VIÊN

Cộng Tác:

CHÍNH HẠNH

HÀN TRÚC

HỒNG DƯƠNG

MINH CHÁNH

MINH ĐỨC

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỹ Thuật:

MINH HÒA

NHÂN CA

Mục Lục

| | | |
|---|--------------------------|----|
| <u>Tâm bình</u> | BBT | 3 |
| <u>Thiền Đình một phương Pháp ...</u> | Hoang Phong chuyển ngữ | 4 |
| <u>Pháp Cú: 372 Phẩm Tỳ Kheo</u> | HT. Thích Minh Châu dịch | 9 |
| <u>Hư Hư Lục: Bất chước Thầy</u> | Thích Nữ Như Thủy | 9 |
| <u>Thiền sư Suzuki nggười đưa Thiền vào Mỹ</u> | Hh Kim Quang | 10 |
| <u>Ngày Giỗ</u> | Phan Lạc Phúc | 13 |
| <u>Lá thư từ bên kia thế giới</u> | Nguyễn Phong dịch | 16 |
| <u>Lời cảnh báo của vị Thiền sư trước khi ...</u> | Hoàng Sâm dịch | 23 |
| <u>Tiếng đàn Piano lúc nửa đêm</u> | Nguyễn Đại Hoàng | 27 |
| <u>Vi tiểu</u> | Huyền Không Tử | 30 |

Tranh bìa

Hoa Sen

Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có

bài đăng trong

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Tâm Bình

Chúng ta là Phật tử phải giữ vững niềm tin vào Đức Phật, Đức Phật đã dạy chúng ta: “Tâm bình Thế giới bình”. Cho nên hiện nay nào là dịch bệnh Covid-19 tràn lan khắp thế giới. Lại thêm nạn kỳ thị chủng tộc.

Nhiều người Việt Nam bị đánh, bị chết ở các nơi, các cửa hàng nơi làm ăn sinh sống bị đập phá.

Người ta cho rằng vì cựu Tổng Thống Donald Trump cho rằng Virus Corona phát sinh từ chợ chim chóc hoang dã tại Vũ Hán tỉnh Hồ Bắc, cho nên ông gọi nó là Virus Vũ Hán.

Điều đó cũng đúng mặc dù chánh phủ Trung Quốc cố đánh lừa dư luận cho rằng nó không phải như thế. Nhưng sự thật là thế. Vì nó được bác sĩ Nhân khoa tại Vũ Hán Lý Văn Lượng đã thông báo cho các đồng nghiệp của ông về con Virus này. Sau đó ông bị nhà cầm quyền cấm ông phổ biến tin tức về nó, rồi ông bị nhiễm và đã tử vong ngày 6 tháng 2 năm 2020, để lại người vợ đang có mang và đứa con trai, ngày 12-6-2020 bà Fu Xuenjie đã sinh thêm một con trai, sau khi ông Lượng mất 4 tháng.

Người ta oán ghét Trung Quốc, vì đã dẫu tin con vi khuẩn nguy hiểm đã làm chết hàng triệu người trên thế giới, người không có chi cũng bị cách ly tại nhà, bị mang khẩu trang khi ra đường, những điều đó dễ gây cho người ta sự căm phẫn, nên họ trả thù người Trung Quốc, nhưng họ không phân biệt được người nào là người Trung Quốc, Nhật, Hàn, Việt Nam.

Cho nên người Việt chúng ta bị vạ lây trong nạn kỳ thị chủng tộc này, nhiều người cao niên lo ngại, muốn an toàn tánh mạng không dám ra đường phố, tránh chỗ nguy hiểm cho bản thân.

Nỗi sợ hãi là điều bất an cho bản thân và ảnh hưởng đến người khác. Chúng ta cũng biết rằng Đức Phật đã dạy: “Mọi sự việc xảy ra đều có nguyên nhân”, nhất là “Nhân quả”.

Nhận thức được như thế, chúng ta cần giữ cho tâm được thanh tịnh, chẳng những vậy mà hàng ngày luôn cầu nguyện cho “Thế giới được thanh bình, nhân dân được an lạc, tật bệnh sớm tiêu trừ”.

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita

Hoang Phong chuyên ngữ

Bài 7

Đức Phật và Ananda

Ananda là người anh em họ với Đức Phật, và từng là người phụ tá của Ngài trong hơn hai mươi năm, vì thế nên khó có ai có thể hiểu Đức Phật hơn Ananda được. Mỗi khi Đức Phật được mời dự tiệc thì Ananda cũng đi theo, trong các buổi thuyết giảng thì Ananda cũng đều có mặt. Khi Đức Phật tiếp những người đến viếng hoặc trả lời các câu hỏi thì Ananda cũng có ở đó. Lúc nào Ananda cũng ở bên cạnh Đức Phật, chẳng khác gì như hình với bóng. Nêu lên các điều trên đây là để thấy rằng đối với Ananda thì Đức Phật là tất cả. Tất nhiên những giây phút trong khoảng thời gian cuối cùng của Đức Phật trước khi nhập-niết-bàn đã khiến Ananda đau đớn hơn bất cứ một người nào khác. Theo kinh *Mahaparinibbana* (Kinh Đại-bát Niết-bàn), Ananda tìm đến một tịnh xá gần đó, gục đầu vào thành cửa và nghĩ đến Đức Phật đang sắp ra đi, trong vài ngày hay vài giờ nữa mà thôi. Ananda đã khóc thật thảm thiết và thốt lên: "Thế là vị Thầy từng yêu quý mình vô vàn lại sắp từ bỏ mình để ra đi".

Những lời than thở đó mang thật nhiều ý nghĩa và đã được các vị đồng tu nghe thấy (nhờ vậy, cử chỉ đó và cả những lời than khóc đó của Ananda đã được các tỷ kheo khác ghi nhớ và lưu lại đến ngày nay). Suốt hai mươi năm bên cạnh Đức Phật,

Ananda từng được nghe thật nhiều bài giảng và các lời giáo huấn, mà phần lớn mang nhiều ý niệm thật phức tạp, khúc triết, thật cao siêu hoặc huyền bí. Ananda cũng từng được nghe các câu trả lời của Đức Phật trước những câu hỏi đủ loại. Ananda rất kính phục trí thông minh, sự khả ái cùng các sự giải thích lưu loát và giản dị của Ngài trước các câu hỏi thật khúc mắc. Ngoài ra Ananda cũng đã từng chứng kiến nhiều hiện tượng thật phi thường. Thế nhưng sự kính phục Đức Phật của Ananda không phải chỉ vì trí tuệ của Ngài, sự hiểu biết sâu sắc của Ngài, cách lập luận lưu loát của Ngài, quyền năng tạo phép lạ của Ngài, cũng không phải là sự dũng cảm hay nghị lực phi thường của Ngài, tất cả các thứ ấy chỉ là những gì phát sinh từ tâm thần Ngài. Đối với Ananda lòng nhân ái của Đức Phật mới chính là phẩm tính phi thường nhất nơi Ngài. Qua những năm tháng bên cạnh Đức Phật, Ananda từng cảm nhận được nhiều điều, nhất là cảm tính của Đức Phật đối với mình, và cảm tính đó có thể thu gọn trong một câu nói: "Đức Phật quả hết lòng thương yêu ta".

Một nửa Phật giáo nằm bên trong câu nói đó (tình thương của Đức Phật đối với Ananda và sự hy sinh của Ananda đối với Đức Phật biểu trưng cho một nửa Phật giáo, giáo huấn là một nửa còn lại: "tình thương" là lòng từ bi, "giáo huấn" là trí tuệ). Trở lại với chủ đề của chúng ta, thì câu nói trên đây cũng chính là nguyên nhân đưa đến sự hình thành của lý tưởng người bồ-tát. Trí tuệ của

Đức Phật không phải chỉ phản ánh từ giáo huấn của Ngài, mà cả từ tình thương yêu và lòng từ bi của Ngài, hiện lên từ cuộc sống gương mẫu của chính Ngài, và đó là những gì đã in đậm trong tâm trí của Ananda. Một số đệ tử của Ngài đã cảm nhận được điều đó, có nghĩa là họ không thể nào quy hết Phật giáo vào những lời giảng dạy của Đức Phật (*ngoài giáo lý còn có cả tình thương yêu và lòng từ bi*). Theo họ Phật giáo không chỉ đơn giản là trí tuệ có nghĩa là giáo huấn, mà còn là tình thương yêu và lòng từ bi, hiện lên từ cuộc sống của chính Đức Phật. Nói đến Phật giáo thì phải nghĩ ngay đến cả hai khía cạnh đó. Thật vậy, chúng ta phải đạt được sự giác ngộ hầu giúp mình trông thấy sự thật: đây là khía cạnh trí tuệ. Thế nhưng chúng ta cũng phải cố gắng đạt được trí tuệ vì mục đích mang lại phúc hạnh cho tất cả chúng sinh: đây là khía cạnh của lòng từ bi. Hai khía cạnh đó gộp chung với nhau sẽ làm hiện lên lý tưởng của người bồ-tát. Đây chính là phương thức và nguyên nhân đưa đến sự hình thành của lý tưởng người bồ-tát.

Ananda hết lòng chăm lo cho Đức Phật, không nghĩ gì đến sự thăng tiến tâm linh của mình, vì thế người ta có thể xem Ananda như là người bồ-tát đầu tiên. Nếu có thể tin vào những điều thuật lại trong kinh sách thì sau khi Đức Phật nhập diệt, Ananda lại tiếp tục con đường của Ngài, tức là đi hết nơi này đến nơi khác để thuyết giảng *Dhamma*, bước theo sau là cả một đoàn các tỳ kheo đông đảo. Thế nhưng chính cung cách hành xử đó của Ananda cũng đã từng bị chỉ trích (*cho rằng Ananda không màng đến sự giải thoát và giác ngộ cuối cùng cho riêng mình*). Tuy nhiên nếu như có một người nào đó hành xử gần nhất với Đức Phật, thì nhất định người ấy sẽ không phải là ai khác hơn là Ananda. Các câu chuyện thuật lại đôi khi không được trung thực (*trách*

Ananda không quyết tâm tu tập cho riêng mình); thì không thể tin hết được. Dầu sao Ananda cũng đã vượt qua lịch sử Phật giáo như là một nhân vật tạo được nhiều sự chú ý nhất, không có một vị arahant (A-la-hán) nào sánh kịp, kể cả Mahakassapa (Ma-ha Ca-diếp) và cả Moggallana (Mục-kiền-liên).

Một số người cho rằng Ananda cố ý trì hoãn việc tu tập của mình là để có thì giờ chăm lo cho Đức Phật, vì thế nên không đạt được giác ngộ trước khi Đức Phật nhập-niết-bàn. Cách suy nghĩ đó khá hơi hợt, bởi vì đây là cách cho rằng sự chăm lo cho kẻ khác không liên hệ gì đến sự thăng tiến tâm linh của mình. Thế nhưng phải hiểu rằng phục vụ kẻ khác cũng chính là một thành phần của việc tu tập. Hơn thế nữa người ta có thể bảo rằng lý tưởng phục vụ kẻ khác là một trong số các con đường phát triển tâm linh hữu hiệu nhất. Trên con đường đó, người tu hành sẽ vượt lên trên cái ngã của mình, các quyền lợi cá nhân và các tham vọng của mình, và đây cũng là những gì mà Ananda đã làm.

Ananda chăm lo cho Đức Phật không hề là cách chọn cho mình con đường dễ dãi và hơi hợt. Kinh sách đã rất dứt khoát về điểm này: Ananda trì hoãn việc phát triển tâm linh của mình là để nhận lãnh một trọng trách khác cao quý hơn. Thật vậy, Kinh điển Pali cho biết Ananda chỉ đạt được cấp bậc arahant (A-la-hán) sau *parinirvana* (nhập-niết-bàn) của Đức Phật, thế nhưng không hề có ý nêu lên sự trễ nãi đó là vì lý do Ananda phải chăm lo cho Đức Phật. Thế nhưng, thiết nghĩ chúng ta cũng nên suy nghĩ thêm về sự kiện đó, sở dĩ sự trễ nãi đó đã xảy ra phải chăng là vì Ananda không xem cuộc đời tu tập của mình là để đạt được một mục đích nhất định nào đó như các vị arhant khác. Dường như Ananda không quan tâm mấy đến mục đích đó của mình. Nếu muốn làm

sáng tỏ về vấn đề này thì phải cần thêm nhiều khảo cứu khác nữa. Đối với nhiều thể dạng tu tập khác cũng vậy, cũng cần phải nghiên cứu thêm. Người ta có thể suy đoán được ý nghĩa tâm linh về các thể dạng tu tập đó, thế nhưng nguồn gốc lịch sử thì hết sức khó truy tìm (*những gì trên đây cho thấy sự cố gắng của nhà sư Sangharakshita trong việc tìm hiểu và truy tìm nguyên nhân và nguồn gốc đưa đến lý tưởng của người Bồ-tát và cũng có nghĩa là của cả Đại thừa. Trên phương diện tín ngưỡng thì điều đó có thể "suy đoán" được, thế nhưng trên phương diện sử học thì thật hết sức khó chứng minh các điều "suy đoán" đó*).

Cũng vậy, thật khó giải thích tại sao lý tưởng của người Bồ-tát lại xuất hiện dưới hình thức một trào lưu tu tập nêu lên một sự khác biệt với quan điểm của những người không bước theo cùng một đường hướng tu tập với mình. Thế rồi vào một ngày nào đó, họ tự gọi cách tiếp cận ấy của mình là *Mahayana*, có nghĩa là "con đường rộng lớn" hay "cỗ xe lớn", và gọi những người không chấp nhận cùng một phương cách tiếp cận như họ là những người bước theo *Hinayana*, là "con đường nhỏ" hay "cỗ xe nhỏ" (Trong số tất cả các học phái xưa, đại diện duy nhất ngày nay của con đường *Hinayana* là Phật giáo Theravada) (*các lời ghi chú trong hai dấu ngoặc này là của dịch giả trong bản dịch tiếng Pháp. Thiết nghĩ cũng có thể xem Phật giáo Theravada là cốt lõi của Phật giáo nói chung. Nếu muốn bước theo Phật giáo Đại thừa một cách đúng đắn và nghiêm chỉnh thì trước hết phải thấu triệt và nắm vững "cốt lõi" đó của toàn bộ Phật giáo. Mahayana là một "cỗ xe lớn" có thể chuyên chở được nhiều người, thế nhưng đường như cũng khá nặng nề và kên càng. một cỗ xe nhỏ đường như đôi khi cũng có cái lợi của nó. Dấu sao trí tuệ cũng phải cần*

đến từ bi và ngược lại từ bi cũng phải cần đến trí tuệ. Trí tuệ không từ bi hay từ bi không trí tuệ có thể đưa đến những sự tai hại khôn lường).

Các sự kiện lịch sử đôi khi thiếu chính xác. Giáo huấn do Phật giáo Theravada lưu giữ, tuy phải trải qua một thời gian thật dài gồm nhiều thế kỷ, thế nhưng vẫn bảo toàn được một phần lớn tinh thần và cả các lời giảng trong giáo huấn nguyên thủy của Đức Phật. Vậy nêu những người "hynayana" (tiểu thừa) không hề quan tâm đến cuộc đời của Đức Phật [mà chỉ nghĩ đến giáo lý] thì tại sao trong Kinh điển Pali các câu chuyện về cuộc sống của Đức Phật lại được ghi chép tỉ mỉ đến như thế? Điều đó phải chăng đã cho thấy không những họ chỉ biết chú tâm vào giáo huấn của Đức Phật mà cả cuộc đời của Ngài nữa.

Tuy nhiên người ta cũng có thể bảo rằng họ lưu giữ kinh điển chủ yếu chỉ là để bảo toàn giáo huấn của Đức Phật, nhưng đồng thời thì họ cũng ghi chép luôn cả những gì mà họ có thể làm được, nhưng không hề quan tâm đến các thứ ấy. Dầu sao chúng ta cũng phải biết ơn họ về những gì mà họ đã làm, bởi vì nếu không có các kinh sách mà họ lưu giữ được thì ngày nay làm gì mà chúng ta có được một ý niệm về Phật giáo trong các thời kỳ tiền khởi. Tất nhiên chúng ta không thể nào hình dung được Phật giáo là gì qua các trước tác của *Mahayana* (Đại thừa). Các trước tác đó trên phương diện tổng quát cho thấy một sự cố gắng tái lập một cấu trúc mới cho toàn thể giáo huấn Phật giáo, với chủ đích không những chỉ quan tâm đến Đức Phật lịch sử mà cả những gì mà người ta gọi là cuộc sống mẫu mực (khuôn mẫu, lý tưởng/archetypal) của Ngài (*có nghĩa là Đức Phật là hiện thân của một chúng sinh siêu nhiên, ngoài trí tuệ còn hàm*

chứa cả một quyền năng thiêng liêng. Và đây cũng là những gì đưa dần giáo huấn của Đức Phật đến gần một tín ngưỡng).

Các phần cuối trong Kinh điển Pali (*tức là phần bình giải trong Tạng Luận*) dù đã được chọn lọc cẩn thận, thế nhưng vẫn còn giữ được một số khía cạnh nguyên thủy trong giáo huấn, giúp chúng ta tìm hiểu thêm về giáo huấn này. Một số kinh sách *Mahayana*, chẳng hạn như các bài kinh trong *Ratnakuta (Bảo tích kinh, một bộ kinh của Đại thừa, gồm 49 bài kinh, nêu lên một đường hướng tu tập cân bằng giữa từ bi và trí tuệ)* dường như cũng hàm chứa một vài dấu vết nguyên thủy trong giáo huấn của Đức Phật. Thế nhưng một số khác, chẳng hạn như kinh Hoa Sen (*Suddharmapundarikasutra, là một bộ kinh có xu hướng chú trọng nhiều hơn đến các phương tiện thiện xảo/upaya thay vì "giáo huấn"*). Đây cũng là một điểm tế nhị, có thể khiến người tu tập không trông thấy rõ con đường do Đức Phật vạch ra, có nghĩa là dễ bị lạc hướng trong các ngõ ngách của các phương tiện thiện xảo. Ngoài ra cũng cần lưu ý là chữ Đại thừa/Mahayana lần đầu tiên được nêu lên trong bộ kinh này) gần như không có một sự liên hệ nào với giáo huấn lịch sử của Đức Phật cả. Qua các kinh sách *Mahayana* người ta có thể tạo ra cho mình một sự hiểu biết khá đầy đủ về tinh thần Phật giáo, thế nhưng nếu muốn tìm lại những lời thuyết giảng nguyên thủy mà tinh thần Phật giáo đó đã được hình thành, thì nhất thiết phải quay lại với Kinh điển Pali. Dầu sao đi nữa, như đã được trình bày trên đây, chúng ta cũng có thể tìm thấy trong các kinh sách này các mẫu chuyện thật sinh động về con người và cả cuộc sống của Đức Phật.

Vài lời ghi chú của người chuyên ngữ

Bài viết trên đây cho thấy một sự cố gắng vượt bậc của nhà sư Sangharakshita trong việc truy tìm nguồn gốc tiên khởi nhất đưa đến lý tưởng của người bồ-tát và cũng là của toàn thể Đại thừa. Nguồn gốc đó phát sinh từ Con người và Cuộc sống của Đức Phật và của cả người đệ tử bên cạnh Ngài là Ananda. Các học giả Tây phương nói chung thường quan tâm đến những gì thật chính xác, trên phương diện sử học cũng như triết học, riêng đối với tôn giáo thì các nhân vật lịch sử thường thu hút họ nhiều hơn là các nhân vật sáng tạo mang tính cách tín ngưỡng. do đó tư liệu tìm hiểu về Ananda thật dồi dào và phong phú.

Ananda được gia nhập Tăng đoàn hai năm sau khi Đức Phật đạt được giác ngộ và bắt đầu thuyết giảng. Ananda được chính Đức Phật thụ phong và cũng là một trong số các đệ tử lâu đời nhất luôn bên cạnh Ngài và từng chứng kiến giây phút *parinirvana* (nhập-niết-bàn) của Ngài. Tóm lại Ananda là một trong số các đệ tử chịu nhiều ảnh hưởng của Đức Phật nhất, và cũng được thừa hưởng nhiều giáo huấn nhất, ngược lại Ananda cũng là người tạo được nhiều ảnh hưởng đối với Đức Phật. Sau đây chỉ xin đơn cử vài sự kiện đáng lưu ý.

Ananda từng thuyết phục Đức Phật cho phép mẹ nuôi của mình là Mahaprajapati Gautami được gia nhập Tăng đoàn, đánh dấu sự thành lập của Tăng đoàn tỷ-kheo-ni đầu tiên. Một sự kiện khác đáng để suy nghĩ là sau hơn bốn mươi năm gia nhập Tăng đoàn cho đến khi Đức Phật nhập diệt, Ananda vẫn chưa đạt được cấp bậc arahant (A-la-hán). Thế nhưng nếu muốn tham gia vào ban điều hành của Đại hội kết tập Đạo Pháp tổ chức lần thứ nhất sau

parinirvana của Đức Phật thì ít ra cũng phải đạt được thể dạng arahant. Trong khi đó hầu hết các đệ tử khác lúc bấy giờ đều cho rằng sự tham gia của Ananda vào ban điều hành không thể nào thiếu sót được, vì thế Ananda đã phải ra sức biệt tu trong một khu rừng cho đến khi kiệt lực, gần như ngất xỉu, để đạt được cấp bậc này. Kinh sách cho biết Ananda có một trí nhớ phi thường, một mình Ananda nhớ được 82000 bài kinh, các tỷ-kheo khác chỉ nhớ được 200 bài.

Thế nhưng thiết nghĩ dường như sự kiện đáng lưu ý nhất và cũng quan trọng nhất trong cuộc đời tu tập của Ananda là trở thành người phụ tá thường trực của Đức Phật sau 20 năm đầu tiên sinh hoạt với Tăng đoàn. Trong suốt thời gian này các tỷ-kheo luân phiên nhau làm phụ tá cho Đức Phật, thế nhưng một hôm Đức Phật triệu tập toàn thể Tăng đoàn và cho biết là Ngài muốn chọn một người phụ tá thường trực bên cạnh Ngài. Nhiều tỷ-kheo tỏ ý muốn nhận lãnh trách vụ đó, thế nhưng Ananda không tỏ lộ gì cả. Đức Phật bèn hỏi Ananda tại sao lại không có ý kiến gì, và chỉ khi đó Ananda mới cho biết là mình rất muốn làm phụ tá cho Đức Phật, thế nhưng Ananda cũng xin Đức Phật chấp nhận tám điều kiện do mình đưa ra. Tám điều kiện đó gồm chung trong ba điểm chủ yếu: điểm đầu tiên là Đức Phật sẽ không ban tặng hoặc dành riêng bất cứ một sự ưu ái nào cho cá nhân mình; điểm sau đó là Ananda có quyền từ khước hoặc chấp thuận lời mời Đức Phật của bất cứ ai, và đồng thời cũng có quyền khước từ hoặc chấp thuận lời thỉnh cầu yết kiến Đức Phật của bất cứ ai; điểm sau cùng là Đức Phật chấp nhận trả lời các câu hỏi do mình nêu lên và được phép lập lại những lời thuyết giảng của Đức Phật trong khi Ngài vắng mặt. Đức Phật đã chấp thuận những lời thỉnh cầu đó, và bắt đầu từ đó Ananda đã trở thành

người phụ tá của Đức Phật cho đến ngày Ngài nhập-niết-bàn. Sau 20 năm gia nhập Tăng đoàn và sau đó là hơn 20 năm làm phụ tá cho Đức Phật, gồm chung tất cả là hơn 40 năm Ananda đã sống bên cạnh Đức Phật.

Thế nhưng phía sau sự kiện trên đây còn có những gì khác hơn và sâu xa hơn khiến chúng ta phải suy nghĩ hay không? Phải chăng Đức Phật đã có ý chọn Ananda làm người phụ tá cho mình trước khi nêu lên ý định đó trước đại hội, thế nhưng Ngài không chỉ định ngay trước đại hội mà chờ Ananda đưa ra điều kiện và sau đó thì mới chấp thuận? Đó là cách tránh mọi sự ganh tị và phân bì có thể xảy ra trong Tăng đoàn, và phải chăng đây cũng là một tầm nhìn xa về sự tiếp nối của con đường *Dhamma* do Ngài vạch ra?

Trước khi nhập diệt, Đức Phật đưa ra các lời di huấn, nhưng không chỉ định một đệ tử nào thay mình giảng dạy và hướng dẫn Tăng đoàn. Trong bài viết trên đây nhà sư Sangharakshita nêu lên hình ảnh Ananda, sau *parinirvana* của Đức Phật, đã tiếp tục con đường của Ngài, tức là đi hết nơi này đến nơi khác để thuyết giảng, với cả một đoàn tỷ-kheo đồng đạo bước theo sau. Phải chăng Đức Phật đã trông thấy hình ảnh đó từ hơn hai mươi năm trước?

Ngoài ra trong bài viết trên đây, nhà sư Sangharakshita cũng đã nêu lên cho thấy sự hy sinh của Ananda đối với Đức Phật và lòng nhân từ vô biên của Đức Phật, là hai yếu tố đưa đến sự hình thành của lý tưởng người bồ-tát. Cái lý-tưởng đó là một sức mạnh, một cái gì đó từ bên ngoài thu hút chúng ta nhìn vào đó để bước theo. Thế nhưng trong khi bước đi trên con đường đó, thì sức mạnh đó, lý tưởng đó, sự thu hút đó lại tạo ra các tác động hướng vào bên trong

con người của mình, biến cải tâm thức của chính mình. Thật vậy khi nào nhận thấy được thật sâu xa và chân thật khổ đau của từng mỗi chúng sinh và của tất cả chúng sinh, từ trong quá khứ cho đến hiện tại và cả tương lai, trên hành tinh này và cả trong cùng khắp vũ trụ, thì khi đó chúng ta cũng sẽ nhận thấy được sự rộng lớn của lý tưởng đó, cái trọng trách bao la đó nơi người Bồ-tát. Cái lý tưởng hay trọng trách đó không nhất thiết chỉ hiện ra trước mắt mình qua hình ảnh của Đức Phật, của Ananda hoặc của đoàn người bước theo họ, mà là ở bên trong chúng ta, hiện lên từ con tim và khối óc của chúng ta, từ Phật tính của từng mỗi chúng ta. Cái trọng trách đó, cái sức mạnh đó, cái lý tưởng đó dường như không có một điểm chấm dứt nào cả.

Bures-Sur-Yvette, 24.04.20

Hoang Phong chuyển ngữ

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Tỷ Kheo

372

*Không trí tuệ, không thiên,
Không thiên, không trí tuệ.
Người có thiên có tuệ,
Nhất định gần Niết Bàn.*

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Bắt Chước Thầy

Thuở xưa tại một vùng biên địa hạ tiện dân chúng đều mù chữ. Mãi cho đến một hôm có người đến tự xưng là thầy giáo đến thăm làng và đồng đạc tuyên bố:

- Mọi người ai ai cũng có khả năng biết chữ hết. Nhiệm vụ của tôi khi xuất hiện ở ngôi làng này là giúp cho bà con cô bác phát triển khả năng đó, để thành một người biết chữ như tôi không khác. Mọi người nghe nói đều hồ hởi phấn khởi với sự hướng dẫn của thầy giáo. Nhiều lớp học được thành lập, nhiều người đến lớp học. Thầy giáo phát cho mỗi người một quyển vần A B C.

Trong nhóm người tự học nơi lớp học người ta ghi nhận có những sự kiện sau:

Một số người cho rằng khả năng biết chữ chỉ là một ân sủng thiên liêng dành cho hạng người ưu tú nhất trong nhân loại, nên sau khi trêu chọc số người ghi danh học, họ bỏ về.

Riêng phần học trò với chút ít niềm tin rằng mình có thể biết chữ, đã tìm cách phát triển khả năng ấy bằng những cách như sau:

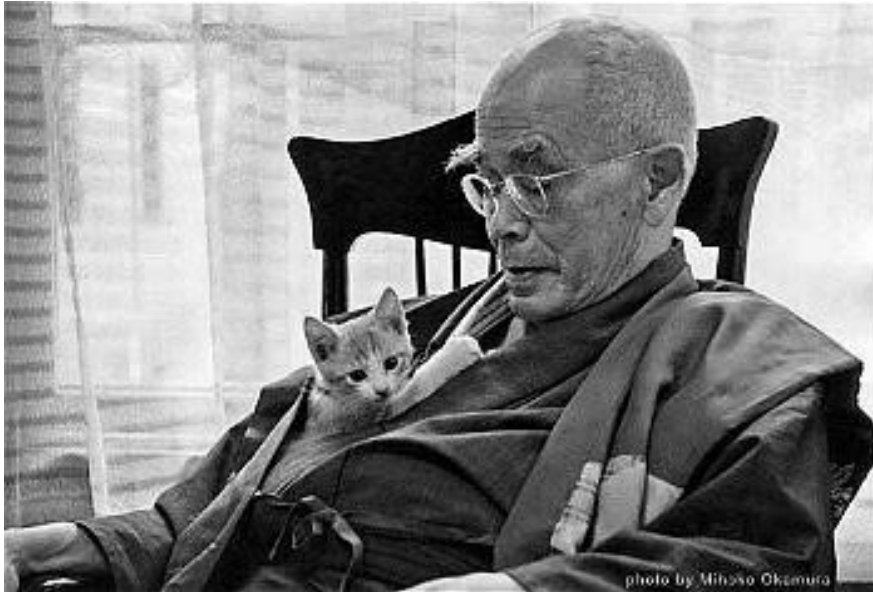
1- Những người rất cảm kích trước tấm lòng của thầy giáo đã khổ công lặn lội đến đây, nên họ xin ảnh của thầy giáo về thờ chung với quyển vần A B C, sớm hôm lễ bái dâng hương hoa không hề chênh mảng.

2- Hạng người kẻ vô cùng cảm phục tài năng của thầy giáo nên cùng nhau rắp tâm bắt chước thầy từ cách đi đứng, nói năng, ăn mặc đến nếp sinh hoạt hàng ngày. Họ bắt chước tài tình đến độ giống thầy giáo như đúc có khác chăng là họ hoàn toàn không biết chữ.

Dĩ nhiên bằng lối học trên, chúng ta dự đoán được kết quả là sau bao nhiêu cố gắng không anh học trò nào biết chữ cả./-

THIÊN SƯ DAISETSU TEITARO SUZUKI, NGƯỜI ĐƯA THIỀN VÀO MỸ

Huỳnh Kim Quang



(Tiếp theo PH số 320)

Quan điểm của Suzuki về Thiền

Thầy của Suzuki, thiền sư Soyen Shaku, đã viết sách xuất bản tại Hoa Kỳ do Suzuki dịch sang tiếng Anh, đã nhấn mạnh đến góc rỗng Phật Giáo Đại Thừa của truyền thống Thiền. Suzuki thì có quan điểm khác. Theo ông trong nhiều thế kỷ phát triển tại Trung Hoa, Thiền đã hấp thụ nhiều từ Lão Giáo của Trung Hoa bản địa. Suzuki tin rằng các dân tộc Viễn Đông nhạy bén, hay thích ứng, đối với thiên nhiên hơn người Âu Châu hay những người ở miền Bắc Ấn Độ.

Suzuki cho rằng sự giác ngộ của Thiền là mục đích của sự tu tập của truyền thống này, nhưng điều đó là những gì làm nổi bật truyền thống mà nó đã phát triển qua nhiều thế kỷ tại Trung Hoa là cách sống hoàn toàn khác từ các Phật Tử Ấn Độ, theo tác phẩm “Zen and Japanese Culture” [Thiền và Văn

Hóa Nhật Bản] của Suzuki do Nhà Xuất Bản của Đại Học Princeton xuất bản năm 1970. Tại Ấn Độ, truyền thống của những vị khất sĩ đã thịnh hành, nhưng trong hoàn cảnh xã hội Trung Hoa dẫn tới sự phát triển của chùa chiền và hệ thống tập trung tu tập mà trong đó vị trú trì và các tăng sĩ đều thực hiện các công tác thế gian. Những việc này gồm việc làm vườn, làm ruộng, làm thợ mộc, làm kiến trúc, giữ nhà, làm hành chánh, và làm thầy thuốc. Hệ quả là sự giác ngộ tìm kiếm trong Thiền phải đáp ứng tốt đối với các nhu cầu và những thất vọng có thể có của cuộc sống hàng ngày.

Suzuki thường được liên kết với trường phái triết học của Kyoto, nhưng ông không được xem là một trong những thành viên chính của nó. Suzuki thích thú trong nhiều truyền thống khác ngoài Thiền. Sách Thiền và Phật Giáo Nhật Bản của ông đã đi sâu vào lịch sử và phạm vi quan tâm của tất cả các trường

phái Phật Giáo Nhật Bản chính.

Trong lúc học tại Đại Học Tokyo, Suzui đã thực hành Thiền tại Viên Giác Tự ở Kamakura lúc đầu với Kosen Roshi. Sau khi Kosen viên tịch, Suzuki tiếp tục học Thiền với người kế nhiệm Kosen tại Viên Giác Tự là Soyen Shaku.

Soyen Shaku dạy Suzuki chủ yếu là nội quán, tĩnh lặng, vô ngôn, ngồi thiền thật nhiều. Suzuki đã mô tả 4 năm học này là cuộc chiến tinh thần, thể chất, đạo đức và trí tuệ. Trong thời gian tại Viên Giác Tự, Suzuki sống đời sống một tu sĩ. Ông diễn tả cuộc sống này và kinh nghiệm tại Kamakura trong cuốn sách của ông “The Training of the Zen Buddhist Monk” [Sự Tu Tập của Một Tu Sĩ Phật Giáo Thiền].

Suzuki đã miêu tả các khía cạnh của việc tu tập như là: một cuộc sống khiêm tốn; cuộc sống lao động; cuộc sống phụng sự; cuộc sống cầu nguyện và tri ân; và cuộc sống thiền định.

Trong phần tổng luận của tác phẩm “Essays in Zen Buddhism” của Suzuki do Trúc Thiên dịch sang tiếng Việt với tựa đề “Thiền Luận,” Suzuki viết về cốt tủy của Thiền như sau:

“Thiền, cốt yếu nhất, là nghệ thuật chiếu kiến vào thể tánh của chúng ta; nó chỉ con đường từ triền phược đến giải thoát. Đưa ta đến uyên nguyên của cuộc sống uống ngụm nước đầu nguồn, Thiền cởi bỏ tất cả những gì ràng buộc chúng ta, những sinh linh hữu hạn, luôn luôn quần dưới ách khổ lụy trong thế gian này. Ta có thể nói Thiền khai phóng tất cả năng lực nội tại và tự nhiên tích tập trong mỗi người chúng ta, nguồn năng lực ấy, trong hoàn cảnh thường, bị co rút lại, và

vặn tréo đi, đến không vùng thoát đâu được.

“Thật vậy, thân thể ta có thể ví như một cục “pin” điện, trong ấy tiềm phục một năng lực huyền bí. Khi nguồn nội lực ấy không được vận dụng đúng cách thì, hoặc bị mồi meo mà mai một, hoặc nghịch biến mà phát loạn. Nên đó là chủ đích của Thiền, nhằm cứu ta hoặc khỏi khủng khiếp, hoặc khỏi tàn phế. Tôi muốn nói tự do là vậy, mở thông tất cả nguồn kích động đầy sáng tạo và từ hòa áp ủ trong con tim chúng ta.”

Trong Chương Thứ Năm của bộ “Thiền Luận” (bộ sách này gồm 3 cuốn, Trúc Thiên dịch cuốn một rồi qua đời, Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã tiếp tục dịch cuốn hai và ba) do Trúc Thiên dịch, Suzuki cũng đã lần nữa nhấn mạnh vào điểm cốt lõi giác ngộ của Thiền.

“Tinh yếu của Thiền cốt ở một nhỡn quang mới phóng vào cuộc sống, và vũ trụ nói chung. Thế nghĩa là, để thâm nhập trong đạo Thiền, ta phải vứt bỏ tất cả nếp cảm nghĩ thông thường điều khiển cuộc sống hằng ngày của chúng ta để cố tìm coi biết đâu còn có một đường lối nhận định khác hơn thói thường, hoặc nói đúng hơn, thử xem lối nhận định thông thường có đủ để đáp ứng trọn vẹn và rót ráo những đòi hỏi của tâm hồn ta không. Nếu ta vẫn cảm thấy không vừa ý gì đó với cuộc sống này, nếu có cái gì trong nếp sống hằng ngày khiến ta như bị vướng mắc, thiếu tự do, theo nghĩa thiêng liêng nhất, ắt ta phải thử tìm ra một cái gì khác ngỏ hầu cuộc sống ta có được một cảm giác ổn định và thoải mái. Thiền đề nghị làm việc ấy cho ta, và đoan chắc có được cái nhìn mới ấy thì cuộc đời sẽ diễn ra trong một khuôn mặt tươi mát hơn, thâm trầm hơn, và thỏa đáng hơn.”

Truyền bá Thiền tại Mỹ

Triết gia Charles A. Moore cho rằng Suzuki trong những năm sau cùng của cuộc đời không chỉ là nhà báo tường trình về Thiền, không chỉ là một nhà giải thích, nhưng là một người đóng góp rất lớn cho sự phát triển của Thiền.

Thiền đã được truyền bá vào Hoa Kỳ vào cuối thế kỷ thứ 19 bởi các vị Thầy Nhật Bản là những người đến Mỹ để phục vụ các nhóm di dân Nhật Bản và trở thành quen với văn hóa Mỹ, theo www.en.wikipedia.org.

Sau Thế Chiến Thứ Hai, sự thích thú từ những người Mỹ không phải Á Châu đã gia tăng nhanh chóng. Điều này dẫn đến sự khởi đầu của truyền thống Thiền Mỹ bản địa mà cũng ảnh hưởng rộng lớn đến thế giới tây phương.

Vào năm 1893, Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới đã được tổ chức tại Chicago. Nó là một sự kiện để giới thiệu các tôn giáo Châu Á cho các khán giả tây phương. Dù hầu hết các phái đoàn tới dự Đại Hội là Thiên Chúa Giáo của nhiều giáo phái khác nhau, các quốc gia Phật Giáo như Trung Hoa, Nhật Bản, Thái Lan, và Tích Lan cũng đã gửi các đại diện đến dự.

Thiền Phái Lâm Tế Nhật Bản đã được đại diện bởi thiền sư Soyen Shaku [Thích Tông Diễn], là sư phụ của D.T. Suzuki. Các đại diện Phật Giáo khác gồm nhà thông dịch người Nhật Zenshiro Noguchi; Anagarika Dharmapala, giáo sư Tích Lan; và Chandradat Chudhadharn là anh em của Vua Thái Lan Chulalongkorn. Paul Carus cũng đã tham dự Đại Hội như một quan sát viên. Đại Hội lần đầu tiên tổ chức diễn đàn công khai mà trong đó các Phật Tử có thể diễn thuyết với thế giới Tây Phương. Dharmapala

đã gây được ảnh hưởng đặc biệt bởi vì ông nói thông thạo tiếng Anh.

Vào đầu thế kỷ hai mươi, Thiền Lâm Tế là truyền thống Thiền Phật Giáo đầu tiên đã du nhập để bén rễ tại Bắc Mỹ. Dù Soyen Shaku, Nyogen Senzaki và Sokei-an là những thiền sư đầu tiên tiếp cận với khán giả tây phương, nhưng người duy nhất có ảnh hưởng quan trọng là D.T. Suzuki. Suzuki đã truyền bá Thiền với các tác phẩm tiếng Anh của ông.

Vào năm 1951, D.T. Suzuki trở lại Hoa Kỳ để làm giáo sư thỉnh giảng tại Đại Học Columbia, nơi các lớp giảng của ông đã thu hút nhiều người thuộc thành phần ưu tú trong giới văn học, nghệ thuật, và văn hóa. Vào năm 1958, báo Chicago Review đã thực hiện một chủ đề đặc biệt về Thiền, giới thiệu các tác phẩm của các nhà thơ thuộc Thế Hệ Beat cùng với các tác phẩm Thiền được chuyển dịch.

Sau khi Suzuki đặt viên đá đầu tiên để xây dựng ngôi nhà Thiền tại Mỹ, từ đó Thiền đã tiếp tục được truyền bá rộng rãi tại xứ Cờ Hoa, với nhiều vị thiền sư lỗi lạc như Thiền Sư Tuyên Hóa của Trung Hoa, Đức Đạt Lai Lạt Ma của Tây Tạng, Thiền Sư Thích Nhất Hạnh của Việt Nam, và nhiều vị tu sĩ và cư sĩ từ các nước Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan đã truyền bá phương pháp Thiền Chánh Niệm, v.v...

Ngày nay, Thiền Phật Giáo đã được phổ biến khắp Hoa Kỳ và trên thế giới để đáp ứng nhu cầu tâm linh và cuộc sống tại các xã hội văn minh vật chất Tây Phương như một phương pháp trị liệu hữu hiệu đối với đời sống đầy đầy căng thẳng, bất an và khủng hoảng./-

NGÀY GIỖ

Phan Lạc Phúc
(Trích từ bút ký “Bạn Bè Gần Xa”)

Sydney ngày...tháng...năm...

Vũ Đức Vinh thân,

Hôm nay viết thư cho bạn cũng là một ngày rất đáng nhớ của tôi. Ngày 20 tháng 10 âm lịch. Bà nó nhà tôi (bây giờ lên chức bà rồi không còn là mẹ cháu như trước nữa) đang thổi xôi, nấu chè. Chiều hôm nay bà ấy cũng làm thêm mấy món chay nữa...Hôm nay là ngày giỗ hết một ông bạn tù già của tôi. Ông Thượng tọa nguyên Giám đốc Nha Tuyên Ủy Phật Giáo Thích Thanh Long. Có thể nói trong những năm đi tù, người tôi kính trọng nhất là ông Thượng tọa này. Ông như một ông già nhà quê, không bao giờ nói một lời ”đạo đức”, cứ từ từ, cười cười “đừng có lo”, “rồi đâu có đó” mà ở gần ông mình thấy “vững” ra nhiều. Có lẽ ông đạt đến mức “vô úy” nên không thấy ông lo lắng, sợ sệt cái gì bao giờ. Tôi ở chung với nhiều vị tu hành nhưng theo con mắt tôi và cũng theo số đông những người tù khác nữa thì không ai được trọng bằng ông Thượng tọa “nhà quê” này. Mấy vị linh mục Công giáo sồn sồn chừng trên 40 tuổi, mỗi khi gặp Thượng tọa “nhà quê” này đều cúi cung “Lạy bô, hôm nay bố có cần gì con lấy”(đại loại như bó rau, bó củi...).

Tôi có cái may hay là cái duyên được ở gần cụ khá lâu trong tù nên tinh thần và có lẽ thể chất nữa không đến nỗi suy sụp lắm. Chết là cùng chứ gì. Cứ cầm sẵn cái chết trong tay là không sợ nữa, đến đâu hay đến đó. *Autant en emporte le vent (cầm bằng theo gió đưa đi)*. Nhờ ông già nhà quê “vô úy” mà phần

nào tôi cứ lững thững mà đi tù. Tôi ở gần, làm việc bên ông, đôi no, thiếu thốn, khốn nạn...nhưng không thấy ông than thở gì nên thét rồi mình cũng quen dần...Mà khi đã quen thì không thấy khổ mấy nữa. *l’habitude est une seconde nature (thói quen là thiên tính thứ hai)*. Chả bao giờ thấy ông nói về kinh sách. Một hôm đang đi làm vừa lúc được nghỉ tay mình cũng hơi “bạo phổi” mới hỏi ông già rằng: ”*Thế cái A lại gia thức trong kinh Phật là gì thưa cụ?*” Ông già gật đầu xong rồi mới thưa nói rằng: ”*Ồi dào, thì A lại gia cũng như là cái kho trong trí mình vậy mà. Cuộc đời này nó có hình có ảnh lưu lại trong cái kho ấy đấy. Nhiều quá cho nên trong cái kho cái thì nhớ, cái thì quên...Cái quên ở trong cái nhớ, cái nhớ trong cái quên...Kệ nó*”. Mình không ngờ ông già quê mùa, không bao giờ nói về kinh sách, không bao giờ “giảng đạo”- mà lại nói về A lại gia thức - một cõi thức “vô ngôn” của Phật một cách uyên bác mà dễ hiểu đến thế. Hoá ra xưa nay mình đọc sách này sách kia nó chỉ làm phiền phức thêm ra.

Tôi tù cùng trại với ông cụ ngoài Bắc khá lâu, đến 6,7 năm. Nhưng khi được về Nam giữa năm 83 thì tôi về trước. Ông cụ còn ở lại. Tôi được tha năm 85 thì ông già năm 87 mới được về. chuyện này về khá đông, được rao truyền như là “thả hết tù chính trị” . Tất cả được đưa về Chí Hoà làm thủ tục rồi tha. Được tin, tôi từ Học Môn lên thăm ông già. Tôi nhớ bữa ấy vào khoảng tháng 11 thì phải, trời Sài Gòn đã hơi lạnh lạnh, có gió heo may. Tôi thấy khá đông người đứng ở ngoài cổng khám Chí Hòa. Hàng trăm người, phân lớn cầm hoa. Đợi mãi đến

gần trưa mới thấy lững thững một ông già quê mùa, quần áo nâu, xách cái tay nải đi ra. Đó là ông bạn tù già của tôi. Cùng lúc ấy tôi thấy đám đông cầm hoa bảo nhau “*Thượng tọa đây*”. Thế rồi không ai bảo ai hàng trăm người kẻ trước người sau quỳ xuống. Tôi không tưởng tượng trong đời sống Xã hội Chủ nghĩa mà lại có cảnh này. Một sự tôn kính tự tâm, tự nguyện, tự phát. Mà tôi cũng không ngờ ông bạn tù già của tôi lại được kính yêu đến vậy.

Ông bạn già của tôi khi được thả về trở lại làm trụ trì ở chùa Giác Ngạn - ở cuối đường Trương Minh Giảng, qua cổng xe lửa chừng 300m rẽ tay mặt là tới nơi. Đường này bây giờ kêu bằng đường Lê Văn Sỹ (Lê Văn Sỹ là thằng cha căng chú kiết nào tôi đâu có biết). Phạm Xuân Ninh cũng ở khu này. Vì vậy nên sau này lên chơi P.X.N. là tôi cũng thường đến thăm ông Thượng tọa. Những năm sau, gần Tết đến thăm thế nào ông bạn tù già (đã lên Hòa Thượng) cũng cho cặp bánh chưng chay. Ông có ý cho tôi thuốc lào Vĩnh Bảo (thuốc lào “chiến” nhất nước) nhưng từ khi về, hút thuốc lào “linh kính” quá nên tôi không hút nữa. Ở hậu liêu của chùa, lúc nào cũng có thuốc lào ngon. Bữa nào nhớ bạn tù, nhớ thuốc lào là tôi lại rẽ vào thăm ông cụ...

Hồi tưởng lại khi còn ở trong tù, ở trại K2 Thanh Phong một nơi thâm sơn cùng cốc, gần biên giới Lào, năm 1982 ông cụ cùng tất cả những vị Tuyên úy Công giáo, Phật giáo, Tin lành, đổi đi trại khác. Trước khi từ biệt, ông cụ không biết vì một thúc đẩy nào đang đem đi sang chỗ tôi nằm và nói: “*Trước khi chia tay, tặng ông 2 câu thơ*”. Rồi ông cụ đọc:

*Nhớ nhau xin nhớ tình dân tộc Lãng
lặng mà xem đá nở hoa...*

Xưa nay không bao giờ thấy ông cụ thơ thần bao giờ. Bây giờ ông cụ lại làm thơ. Quý lắm. Câu trước cụ cho thì hiểu được, tình cảm cụ dành cho kẻ hậu sinh này. Xin bái tạ. Nhưng câu sau thì không hiểu hay chưa hiểu được cứ như câu thai, câu sấm. Mãi cho đến cuối năm 1990, từ Hóc Môn lên thăm ông cụ ở chùa Giác Ngạn, khi Liên Xô đang bờ rời, rơi rụng, ông cụ mới bảo rằng: “*Ông thấy không đá bây giờ đang nở hoa rồi đây*”. Một chuyện tưởng tượng không thể nào xảy ra được mà nó đã xảy ra. Hình như ông cụ nhìn thấy trước.

Vào khoảng giữa năm 1991 chúng tôi sửa soạn đi sang Úc theo diện ODP. Trước khi đi, chúng tôi định làm “*một công đôi việc*”. Vợ chồng tôi lên chùa Giác Ngạn trước là thăm ông bạn già, sau là xin “*quy y*”. Hôm chúng tôi lên, thấy ông cụ đang đau, nằm trong hậu liêu. “*Thuốc lào cũng chả muốn hút nữa, nhưng mà gặp ông bà hôm nay tôi thấy vui trong bụng*”, ông cụ nói vậy. Sau khi chúng tôi trình với Hòa thượng ý định xin quy y trước khi ra nước ngoài, ông cụ nói: “*Thế thì tốt. Tôi tưởng tôi không đủ sức làm cái lễ này. Nhưng mà lễ quy y của ông bà thì để tôi làm*”. Hai hôm sau chúng tôi lên chùa, chính Hòa thượng làm lễ cho chúng tôi. Cụ cho tôi một cái tên theo nhà Phật: Minh Đức, còn nhà tôi được cụ cho tên Tịnh Hạnh.

Trước khi chia tay, thấy cụ hơi yếu tôi có thừa (cũng như một lời hẹn) với cụ rằng “*Chừng 3 hay 4 năm nữa tôi chắc sẽ trở lại thăm quê nhà. Xin cụ đợi tôi thừa cụ*”. Ông cụ cầm tay tôi nói “*A đi đà Phật, A đi đà Phật*”. Đến cuối năm 1991, chúng tôi nhận được thư con nhỏ út tôi (M.T. ở lại VN) nói rằng “*Theo lời bố mẹ, con đến chùa Giác Ngạn thăm cụ Thanh Long*”.

Nhưng không bao giờ gặp lại cụ nữa đâu, bố ơi. Cụ mất ngày 20 tháng 10 năm Tân Mùi rồi”. Cụ tuổi Bính Dần, tôi nhớ như vậy. Tuổi Bính Dần mà mất năm Tân Mùi, cụ thọ được 78 tuổi. Chợt nhớ buổi chia tay, trước lời hẹn xin về gặp lại, ông cụ chỉ niệm “A di đà Phật. A di đà Phật”. Hòa thượng định nói gì qua lời niệm ấy. Đối với tôi, nó như một lời vĩnh biệt chưa muốn nói ra, hay là không tiện nói ra.

Đạo còn ở trong tù với ông cụ, trại Thanh Phong năm 1981, một hôm cán bộ trực trại thông báo “Nguyễn Văn Long hôm nay có thăm nuôi”. Ông già nghe vậy vẫn cứ lơ lửng như không. Mọi người giục già ông cụ đi gặp người thân thì ông cụ nói rằng “Tôi không còn anh em họ hàng gì hết, gia đình không có ai, chắc không có ai thăm nuôi tôi đâu”. Nhưng ngày hôm đó có người thăm nuôi ông cụ thật. Sau hỏi ra mới biết đó là hai vợ chồng “anh taxi” ở gần chùa Giác Ngạn của ông cụ, vốn là người Công giáo. Trước kia khi hai vợ chồng anh taxi này hay “căng đặng” nhau, ông cụ thương chạy sang can gián. Có lẽ vì quý mến ông cụ nên ông chồng thường hay lái taxi đưa ông cụ đi chỗ này chỗ khác, hai vợ chồng tuy là người Công giáo nhưng hay sang chùa làm công quả. Bây giờ hai vợ chồng về Bắc, thăm lại quê nhà Bùi Chu sau mấy chục năm xa cách nên nhân tiện lại vào thăm ông cụ đang cải tạo ở Thanh Hóa. Gọi là “tạt vào” nhưng vì đường sá không thuận tiện, phải đi bộ hay đi xe trâu nên 2 ngày mới đến.

Đạo ấy tù đang đói kinh hoàng hạt gạo quý như hạt ngọc. Mỗi bữa, tù nhân được lĩnh mỗi người một nhúm cơm hẩm còn kỳ dư là ăn sắn hoặc ngô, khoai. Ăn một miếng sắn khô lại phải kèm thêm mấy hạt cơm vào để

nuốt cho trôi. Cơm không phải để ăn cho no mà để làm “mồi”. Ông cụ nhận được chừng 5kg gạo thăm nuôi, nhưng chiều đến số gạo ấy được ông cụ phân phát hết; ông chỉ còn dành lại cho mình ký đường và lọ muối vừng. Ông cụ nói “của thập phương cho mình thì mình cúng dường Tam Bảo”.

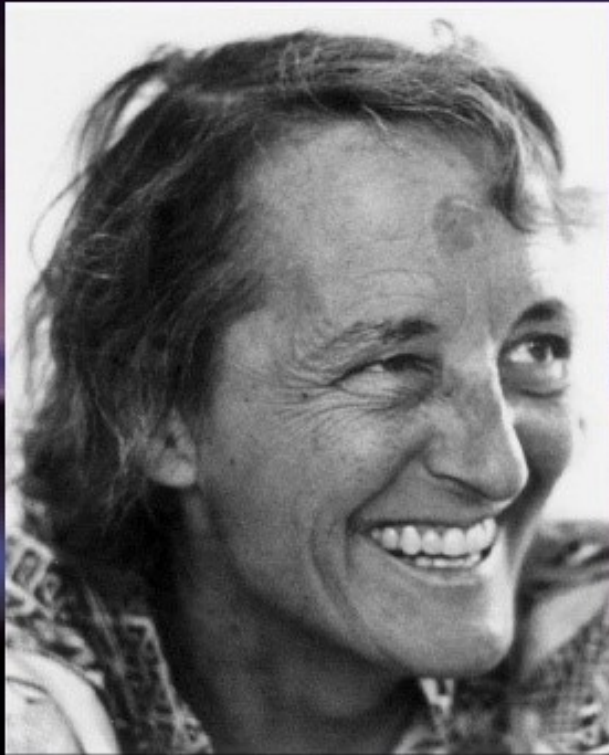
Khi chúng tôi tới thăm ông cụ ở chùa Giác Ngạn sau này, vẫn thấy hai vợ chồng người Bắc trung niên, phát âm vẫn phảng phất giọng Bùi Chu “con trâu tắm buộc gốc te tụi” quanh quẩn trong hậu liên Chùa. Ông cụ bảo “Áy vẫn vợ chồng ông taxi ngày xưa, có lần đi thăm nuôi tôi ở Thanh Phong đấy”. Như vậy là ông cụ thật tình không có thân nhân, bà con anh em nào nữa. Người trông nom ông cụ khi đau yếu vẫn là vợ chồng ông taxi Công giáo ở gần bên.

Bây giờ ông cụ mất đi. Người Công giáo thì xưa nay vẫn không cúng giỗ. Vì vậy nên chúng tôi vài năm nay, cứ đến ngày 20 tháng 10 âm lịch (*) là lại làm mâm cơm chay, cúng cụ. Nếu có cõi Niết bàn thật, chắc ông bạn tù già của tôi được lên trên ấy rồi. Ông cụ đâu có cần mình cúng giỗ. Nhưng đến ngày kỵ của ông cụ tôi muốn thắp một nén hương để nhớ một người bạn tù đã sống bên tôi bao nhiêu tháng năm đói khổ, nhất là để ghi ơn người đã cho tôi một chút niềm tin trong những năm tù tuyệt vọng. Ở gần ông cụ thấy ông cụ không sợ, không buồn. Nhưng năm nào cúng cụ tôi cũng chảy hai hàng nước mắt...



Lá Thư Từ Bên Kia Thế Giới

Nguyễn Phong dịch



Elisabeth Kübler-Ross

(Zürich, 1926 - Scottsdale, Arizona, 2004).
Psiquiatra suizo-estadounidense, una de las mayores expertas mundiales en el tema de la muerte

Bác sĩ **Elisabeth Kübler-Ross**, người tiên phong trong lãnh vực nghiên cứu về hiện tượng hồi sinh cho biết:

“Con người sợ chết như con nít sợ ma, họ đã nhìn cái chết một cách sợ hãi, ghê tởm và cố gắng phủ nhận nó vì nó làm gián đoạn sự liên tục của đời sống. Nhưng nếu họ biết chấp nhận sự chết một cách bình thản, giản dị thì họ sẽ thấy chết là một sự kiện tự nhiên cũng như lúc sinh ra vậy. Bất kỳ lúc nào chung quanh chúng ta, sống và chết cũng luôn luôn tiếp diễn. Lá cây rụng để nhường chỗ cho những mầm non xuất hiện, hết mùa đông lại có mùa xuân. Một hiện tượng tự nhiên và cần thiết như thế không lẽ lại chẳng

bao hàm một ý nghĩa thâm sâu nào đó? Phải chăng chính vì có sự chết mà sự sống hiện hữu, có sự xây dựng thì cũng phải có sự hủy diệt, đâu có gì tồn tại vĩnh viễn. Người ta không thể hiểu được ý nghĩa đích thực của sự sống nếu họ không chịu chấp nhận sự chết, và đã đến lúc người ta phải nghiên cứu cặn kẽ các sự kiện này chứ không thể chấp nhận những lý thuyết mơ hồ nào đó được.”

Sau đây là tài liệu được trích lại từ cuốn *La Revue Spirite*:

Bác sĩ **Henri Desrives** là một khoa học gia hoạt động, vui vẻ và yêu nghề. Như mọi nhà trí thức khác, ông sống một cuộc đời rất

thực tế và không buồn lưu ý đến những điều mà khoa học chưa giải thích được. Ông không tin rằng có một linh hồn tồn tại sau khi chết vì thể xác chỉ là sự kết hợp của các vật chất hữu cơ và trí thông minh chẳng qua chỉ là sản phẩm của các tế bào thần kinh. Khi thể xác đã hư hoại thì trí thông minh cũng không thể tồn tại. Một hôm khi bàn chuyện với các con về đề tài đời sống sau khi chết, ông hứa sẽ liên lạc với các con nếu quả thật có một đời sống bên kia cửa tử.

Cậu con trai **Piere Desrives**, cũng là một y sĩ, đã nói: “Nếu đã chết, làm sao cha có thể liên lạc với con được?”

Bác sĩ Henri suy nghĩ một lúc rồi trả lời: “Cha không tin có một đời sống hay cõi giới nào ngoài đời sống này nhưng nếu sau khi chết mà cha thấy được điều gì thì cha sẽ tìm đủ mọi cách để liên lạc với các con.”

Vài năm sau, bác sĩ Desrives từ trần, các con ông vì bận việc nên cũng không để ý gì đến buổi bàn luận đó nữa.

Khoảng hai năm sau, một nhóm nhân viên làm việc trong bệnh viện lập bàn cầu cơ chơi, bất ngờ cơ bút đã viết: “Xin cho gọi bác sĩ Piere Desrives đến vì tôi là cha cậu đó và tôi có mấy lời muốn nhắn nhủ với các con tôi.”

Được thông báo, bác sĩ Piere không tin tưởng mấy nhưng nhớ lại lời dặn của cha, ông bèn gọi các em đến tham dự buổi cầu cơ này. Một người cầm giữ đầu một sợi dây, đầu kia cột vào một cây bút chì và chỉ một lát sau cây bút đã tự động chạy trên các trang giấy thành bức thư như sau:

Các con thân mến,

Cha rất hài lòng đã gặp đủ mặt các con

nơi đây. Gần một năm nay, cha có ý trông đợi để kể cho các con về những điều ở cõi bên này mà cha đã chứng kiến nhưng không có cơ hội nói lại cho các con biết.

Như các con đã biết, hôm đó sau khi ở bệnh viện về, cha thấy trong người mệt mỏi lạ thường, cha bèn lên giường nằm và dần dần lịm đi luôn, không hay biết gì nữa. Một lúc sau cha thấy mình đang lơ lửng trong một bầu ánh sáng trong suốt như thủy tinh. Thật khó có thể tả rõ cảm tưởng của cha khi đó, nhưng không hiểu sao cha thấy trong mình dễ chịu, linh hoạt, thoải mái chứ không bị gò bó, ràng buộc như trước. Các con biết cha bị phong thấp nên đi đứng khó khăn, vậy mà lúc đó cha thấy mình có thể đi đứng, bay nhảy như hồi trai tráng. Cha có thể giơ tay giơ chân một cách thoải mái, không đau đớn gì. Đang vậy vùng trong biển ánh sáng đó thì bất chợt cha nhìn thấy cái thân thể của cha đang nằm bất động trên giường. Cha thấy rõ mẹ và các con đang quây quần chung quanh đó và phía trên thân thể của cha có một hình thể lơ mơ trông như một lùm mây màu xám đang lơ lửng. Cả gia đình đều đang xúc động và không hiểu sao cha cứ thấy trong mình buồn bực, khó chịu. Cha lên tiếng gọi nhưng không ai trả lời, cha bước đến nắm lấy tay mẹ con nhưng mẹ con không hề hay biết và tự nhiên cha ý thức rằng mình đã chết. Cha bị xúc động mạnh, nhưng may thay lúc đó mẹ con và các con đều lên tiếng cầu nguyện, tự nhiên cha thấy mình bình tĩnh hẳn lại như được an ủi. Cái cảm giác được đắm chìm trong những lời cầu nguyện này thật vô cùng thoải mái dễ chịu không thể tả xiết. Lớp ánh sáng bao quanh cha tự nhiên trở nên sáng chói và cả một cuộc đời của cha từ lúc thơ ấu đến khi trưởng thành bỗng hiện ra rõ rệt như trên màn ảnh. Từ việc gần đến việc xa, ngay cả những chi tiết nhỏ nhặt nhất cũng đều hiện

ra rõ rệt trong tâm trí của cha. Hơn bao giờ hết, cha ý thức tường tận các hành vi của mình, các điều tốt lành, hữu ích mà cha đã làm cũng như các điều xấu xa, vô ích mà cha không tránh được. Tự nhiên cha thấy sung sướng về những điều thiện đã làm và hối tiếc về những điều mà đáng lẽ ra cha không nên làm. Cả một cuốn phim đời hiện ra một cách rõ rệt cho đến khi cha thấy mệt mỏi và thiếp đi như người buồn ngủ.

Cha ở trong tình trạng vật vờ, nửa ngủ nửa thức này một lúc khá lâu cho đến khi tỉnh dậy thì thấy mình vẫn lơ lửng trong một bầu ánh sáng có màu sắc rất lạ không giống như màu ánh sáng lần trước. Cha thấy mình có thể di chuyển một cách nhanh chóng, có lẽ vì không còn xác thân nữa. Cha thấy cũng có những người đang di chuyển gần đó nhưng mỗi lần muốn đến gần họ thì cha lại có cảm giác khó chịu làm sao. Một lúc sau cha đi đến một nơi có đông người tụ họp. Những người này có rung động dễ chịu nên cha có thể bước lại hỏi thăm họ một cách dễ dàng. Một người cho biết tùy theo các rung động thích hợp mà cha có thể tiếp xúc được với những người ở cõi bên này. Sở dĩ cha không thể tiếp xúc với một số người vì họ có sự rung động khác với “tần số rung động” (frequency) của cha. Sự giải thích có tính cách khoa học này làm cha tạm hài lòng. Người nọ cho biết thêm rằng ở cõi bên này tần số rung động rất quan trọng, và tùy theo nó mà người ta sẽ lựa chọn nơi chốn mà họ sống. Cũng như loài cá ở ngoài biển, có loài sống gần mặt nước, có loài sống ở lưng chừng và có loài sống dưới đáy sâu tùy theo sức ép của nước thì ở cõi bên này, tùy theo tần số rung động mà người ta có thể tìm đến được các cảnh giới khác nhau. Sự kiện này làm cha cảm thấy vô cùng thích thú vì như vậy quả có một cõi giới bên kia cửa tử và cõi này lại có nhiều cảnh giới khác

nhau nữa.

Khi xưa cha không tin những quan niệm như thiên đàng hay địa ngục nhưng hiện nay cha thấy quan niệm này có thể được giải thích một cách khoa học qua việc các tần số rung động. Những tần số rung động này như thế nào? Tại sao cha lại có những tần số rung động hợp với một số người? Người nọ giải thích rằng tùy theo tình cảm của con người mà họ có những sự rung động khác nhau; người có tình thương cao cả khác với những người tính tình nhỏ mọn, ích kỷ hay những người hung ác, không hề biết thương yêu. Đây là một điều lạ lùng mà trước nay cha không hề nghĩ đến. Cha bèn đặt câu hỏi về khả năng trí thức, phải chăng những khoa học gia như cha có những tần số rung động đặc biệt nào đó, thì người nọ trả lời rằng, khả năng trí thức hoàn toàn không có một giá trị nào ở cõi bên này cả. Điều này làm cho cha ít nhiều thất vọng. Người nọ cho biết rằng cái kiến thức chuyên môn mà cha tưởng là to tát chẳng qua chỉ là những mảnh vụn của một kho tàng kiến thức rất lớn mà bên này ai cũng có thể học hỏi được.

Người nọ nhấn mạnh rằng, điều quan trọng là con người biết làm gì với những kiến thức đó. Sử dụng nó để phục vụ hay tiêu diệt nhân loại? Sử dụng nó vào mục đích vị tha hay ích kỷ? Sử dụng nó để đem lại niềm vui hay để gây đau khổ cho người khác? Thấy cha có vẻ thất vọng, người này bèn đưa cha đến một thư viện lớn, tại đây có lưu trữ hàng triệu cuốn sách mà cha có thể tham cứu, học hỏi. Chưa bao giờ cha lại xúc động như vậy. Có những cuốn sách rất cổ viết từ những thời đại xưa và có những cuốn sách ghi nhận những điều mà từ trước tới nay cha chưa hề nghe nói đến. Sau một thời gian nghiên cứu, cha thấy cái kiến thức mà mình vẫn hãnh diện thật ra chẳng đáng kể gì so

với kho tàng kiến thức nơi đây. Đến khi đó cha mới thấm thía điều người kia nói về khả năng trí thức của con người và bắt đầu ý thức về tần số rung động của mình.

Nơi cha đang sống có rất đông người, đa số vẫn giữ nguyên tính nét cũ như khi còn sống ở thế gian. Có người hiền từ vui vẻ, có người tinh nghịch ưa chọc phá người khác, có người điềm đạm, có kẻ lại nóng nảy. Quang cảnh nơi đây không khác cõi trần bao nhiêu; cũng có những dinh thự đồ sộ, to lớn; có những vườn hoa mỹ lệ với đủ các loại hoa nhiều màu sắc; có những ngọn núi rất cao hay sông hồ rất rộng. Lúc đầu cha ngạc nhiên khi thấy những cảnh vật này dường như luôn luôn thay đổi, nhưng về sau cha mới biết cảnh đó hiện hữu là do sức mạnh tư tưởng của những người sống tại đây. Điều này có thể giải thích giống như sự tưởng tượng ở cõi trần. Các con có thể tưởng tượng ra nhà cửa dinh thự trong đầu óc mình, nhưng ở cõi trần sức mạnh này rất yếu, chỉ hiện lên trong trí óc một lúc mà thôi. Bên này vì có những rung động đặc biệt nào đó phù hợp với sự rung động của tư tưởng làm gia tăng thêm sức mạnh khiến cho những hình ảnh này có thể được thực hiện một cách rõ ràng, chính xác và lâu bền hơn.

Các con đừng nghĩ rằng những người bên này chỉ suốt ngày rong chơi, tạo ra các hình ảnh theo ý muốn của họ; mà thật ra tất cả đều bận rộn theo đuổi các công việc riêng để chuẩn bị cho sự tái sinh. Vì mọi tư tưởng bên này đều tạo ra các hình ảnh nên đây là môi trường rất thích hợp để người ta có thể kiểm soát, ý thức rõ rệt hơn về tư tưởng của mình. Vì đời sống bên này không cần ăn uống, làm lưng nên người ta có nhiều thời giờ theo đuổi những công việc hay sở thích riêng. Có người mở trường dạy học, có kẻ theo đuổi các

ngành chuyên môn như hội họa, âm nhạc, kiến trúc, văn chương thơ phú, v.v...

Tóm lại, đây là môi trường để họ học hỏi, trau dồi các khả năng để chuẩn bị cho một đời sống mai sau. Phần cha đang học hỏi trong một phòng thí nghiệm khoa học để sau này có thể giúp ích cho nhân loại. **Càng học hỏi, cha càng thấy cái kiến thức khi xưa của cha không có gì đáng kể và nền y khoa mà hiện nay các con đang theo đuổi thật ra không lấy gì làm tân tiến lắm nếu không nói rằng rất ấu trĩ so với điều cha được biết nơi đây. Hiện nhiên khoa học phát triển tùy theo khả năng trí thức của con người, mỗi thời đại lại có những sự phát triển hay tiến bộ khác nhau nên những giá trị cũng vì thế mà thay đổi. Có những giá trị mà thời trước là khuôn vàng thước ngọc thì đời sau lại bị coi là cổ hủ, lỗi thời; và như cha được biết thì những điều mà ngày nay đang được người đời coi trọng, ít lâu nữa cũng sẽ bị đào thải. Tuy nhiên cái tình thương, cái ý tưởng phụng sự mọi người, mọi sinh vật thì bất kỳ thời đại nào cũng không hề thay đổi, và đó mới là căn bản quan trọng mà con người cần phải biết. Càng học hỏi cha càng thấy chỉ có những gì có thể tồn tại được với thời gian mà không thay đổi thì mới đáng được gọi là chân lý. Cha mong các con hãy suy ngẫm về vấn đề này, xem đâu là những giá trị có tính cách trường tồn, bất biến để sống theo đó, thay vì theo đuổi những giá trị chỉ có tính cách tạm bợ, hời hợt.**

Cha biết rằng mọi ý nghĩ, tư tưởng, hành động đều có những rung động riêng và được lưu trữ lại trong ta như một cuốn sổ. Dĩ nhiên khi sống ở cõi trần, con người quá bận rộn với sinh kế, những ưu phiền của kiếp nhân sinh, không ý thức gì đến nó nên nó khép kín lại; nhưng khi bước qua cõi bên này thì nó từ từ mở ra như những trang giấy

phô bày rõ rệt trước mắt. Nhờ vậy mà cha biết rõ rằng hạnh phúc hay khổ đau cũng đều do chính ta tạo ra và lưu trữ trong mình. Cuốn sổ lưu trữ này là bằng chứng cụ thể của những đời sống đã qua và chính nó kiểm soát tần số rung động của mỗi cá nhân. Tùy theo sự rung động mà mỗi cá nhân thích hợp với những cảnh giới riêng và sẽ sống tại đó khi bước qua cõi giới bên này. Do đó, muốn được thoải mái ở cõi bên này, các con phải biết chuẩn bị. Cha mong các con hãy bắt tay vào việc này ngay. Các con hãy ráng làm những việc lành, từ bỏ những hành vi bất thiện. Khi làm bất cứ việc gì, các con hãy suy gẫm xem hậu quả việc đó như thế nào, liệu nó có gây đau khổ hay tổn thương cho ai không? Đừng quá bận rộn suy tính những điều hơn lẽ thiệt mà hãy tập quên mình. Đời người rất ngắn, các con không có nhiều thời giờ đâu.

Khi còn sống, đã có lúc cha dạy các con phải biết đầu tư thương mại để dành tiền bạc vào những trương mục tiết kiệm, những bất động sản, những chứng khoán... nhưng bây giờ cha biết rằng mình đã làm. Một khi qua đến bên đây, các con không thể mang những thứ đó theo được. Danh vọng, địa vị, tài sản vật chất chỉ là những thứ có tính cách tạm bợ, bèo bọt, đến hay đi như mây trôi, gió thổi, trước có sau không. Chỉ có tình thương mới là hành trang duy nhất mà các con có thể mang theo mình qua cõi giới bên này một cách thoải mái, không sợ hư hao mất mát. Tình thương giống như đá nam châm, nó thu hút những người thương nhau thực sự, để họ tiến lại gần nhau, kế hợp với nhau. Nó là một mảnh lực bất diệt, mạnh mẽ, trường tồn và chính nhờ lòng thương này mà người ta có thể tìm gặp lại nhau trải qua không gian hay thời gian. Chắc hẳn các con nghĩ rằng người cha nghiêm nghị đầy uy quyền

khi trước đã trở nên mềm yếu chăng? Nay các con, chỉ khi nào buông xuôi tay bước qua thế giới bên này, các con mới thực sự trải nghiệm được trạng huống của mình, tốt hay xấu, hạnh phúc hay đau khổ, thích hợp với cảnh giới thanh cao tốt lành hay những nơi chốn thấp thỏi xấu xa. Hơn bao giờ hết, cha xác định rằng điều cha học hỏi nơi đây là một định luật khoa học thật đơn giản mà cũng thật huyền diệu. Nó chính là cái nguyên lý trật tự và điều hòa hằng hiện hữu trong vũ trụ. Sự lựa chọn để sống trong cảnh giới mỹ lệ đẹp đẽ hay tăm tối u minh đều do những tần số rung động của mình mà ra cả và chính mình phải chịu trách nhiệm về cuộc đời của mình hay lựa chọn những nơi mà mình sẽ đến.

Khi còn sống cha tin rằng chết là hết, con người chỉ là sự cấu tạo của các chất hữu cơ hợp lại, nhưng hiện nay cha biết mình đã lầm. Cha không biết phân biệt phần xác thân và phần tâm linh. Sự chết chỉ đến với phần thân xác trong khi phần tâm linh vẫn hoạt động không ngừng. Nó đã hoạt động như thế từ thuở nào rồi và sẽ còn tiếp tục mãi mãi. Hiển nhiên cá nhân của cha không phải là cái thể xác đã bị hủy hoại kia mà là phần tâm linh vẫn tiếp tục hoạt động này, do đó cha mới cố gắng liên lạc với các con để hoàn tất điều mà cha đã hứa với các con khi xưa. Cha nghiệm được rằng sự sống giống như một dòng nước tuôn chảy không ngừng từ nơi này qua nơi khác, từ hình thức này qua hình thức khác. Khi trôi chảy qua những môi trường khác nhau nó sẽ bị ảnh hưởng những điều kiện khác nhau; và tùy theo sự học hỏi, kinh nghiệm mà nó ý thức được bản chất thiêng liêng thực sự của nó. Cũng như sóng biển có đợt cao, đợt thấp thì đời người cũng có những lúc thăng trầm, khi vinh quang tốt đỉnh, lúc khốn cùng tủi nhục, nhưng nếu biết nhìn lại toàn vẹn tiến trình

của sự sống thì kiếp người có khác chi những làn sóng nhấp nhô, lừng xãng trên mặt biển dâu. Chỉ khi nào biết nhận thức về bản chất thật sự của mình vốn là nước chứ không phải là sóng thì các con sẽ ý thức được tính cách trường cửu của sự sống. Từ đó các con sẽ có một quan niệm rõ rệt rằng chết chỉ là một diễn tiến tất nhiên, một sự kiện cần thiết có tính cách giai đoạn chứ không phải một cái gì ghê gớm như người ta thường sợ hãi. Điều cần thiết không phải là trốn tránh sự chết hay ghê tởm nó, nhưng là sự chuẩn bị cho một sự kiện tất nhiên phải đến một cách thoải mái, ung dung vì nếu khi còn sống các con đã đem hết khả năng và phương tiện của mình để giúp đời, để yêu thương mọi loài thì lúc lâm chung, các con chẳng có gì phải luyến tiếc hay hổ thẹn với lương tâm cả. *Trước khi từ biệt các con, cha muốn nói thêm rằng hiện nay cha đang sống một cách thoải mái, vui vẻ và an lạc chứ không hề khổ sở.*

Nguyễn Phong dịch

Tác giả Nguyễn Phong



Giáo sư John Vũ - Bút danh Nguyễn Phong - Một cái tên của nền khoa học, một dịch giả nổi tiếng với nhiều độc giả.

Ông sinh năm 1950, tên thật là Vũ Văn Du trong một gia đình đông con. Cha ông là một dược sĩ, y sĩ có tâm và có tâm, đóng góp rất lớn cho nền y học nước nhà. Năm 1968, ông rời quê hương sang Hoa Kỳ để bắt đầu cuộc hành trình học hành đầy gian nan, vất vả. Tại đây ông tốt nghiệp ngành điện toán và sinh vật học cùng tâm bằng danh giá.

John Vũ -Nguyễn Phong là con người có lòng vị tha sâu sắc, lối sống giản dị thanh tao. Ông từng nói: Gia đình tôi thường ăn chay, đi đâu gặp gì ăn nấy không quá khát khe câu nệ. Có lẽ chính vì lối sống ấy mà ông vô cùng gần gũi với sinh viên, với những con người đang khát khao thay đổi bản thân. Ông luôn truyền cảm hứng cho thế hệ trẻ, là người bạn, người thầy dịu dặt khai sáng biết bao tâm hồn đang mơ hồ trước tương lai sự nghiệp.

Du học và định cư ngay trên đất Mỹ, ông đã có những công trình nghiên cứu ý nghĩa trong nhiều lĩnh vực như: khoa học kỹ thuật, tôn giáo mà đặc biệt là giáo dục, được nhân loại đón nhận áp dụng rộng rãi. Ông là người có tầm ảnh hưởng sâu rộng từng giữ những chức vụ quan trọng chủ chốt tại các tập đoàn lớn như: Teradyne Semiconductor, Motorola, GTE...

Hiện nay Giáo sư John Vũ đang đảm nhận vị trí Viện trưởng, đồng thời giữ chức kỹ sư trưởng tại Boeing hơn 15 năm, kiêm thêm Phó Chủ Tịch trong suốt thời gian dài với những thành tựu về kỹ thuật đáng khâm phục. Ông cũng là người đào tạo 10.000 kỹ sư liên quan đến phần mềm. Bên cạnh đó GS Nguyễn Phong còn đảm nhận quản lý tổ

chức SPIN Seattle từ năm 1996 đến 2003.

Để đạt được những thành công như vậy đều nhờ sự nỗ lực tìm tòi không biết mệt mỏi của GS. Tuy nhiên ông đã khiêm tốn từ chối nhận mọi giải thưởng danh giá từ giới lãnh đạo Hoa Kỳ. Nhất là sự tín nhiệm từ phía tổng thống Obama, khi ngài ngỏ ý muốn gặp ông nhân dịp đến thăm trường Đại học Carnegie Mellon nhưng giáo sư đã từ chối.

GS. John Vũ - Nguyễn Phong còn là nhà khoa học, kỹ sư phần mềm nổi tiếng. Ông là cố vấn tại Viện Kỹ sư phần mềm. Đây chính là nơi ông đã nghiên cứu và phát triển một số mô hình phần mềm. Bên cạnh đó GS. John Vũ còn được ngành công nghiệp phần mềm thế giới thừa nhận sự cống hiến của ông trong việc thiết lập các trung tâm chất lượng phần mềm ở Nhật Bản, Nga, Trung Quốc...

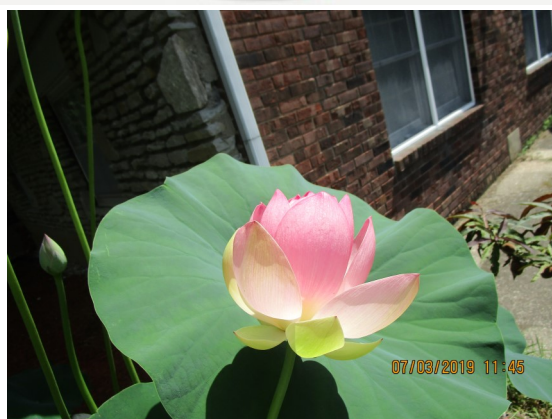
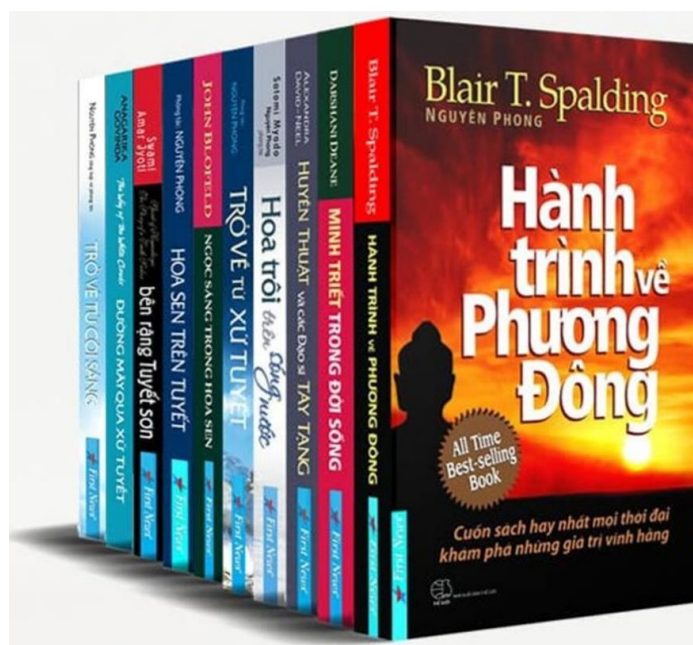
Đặc biệt, GS. John Vũ có một trang Blog về công nghệ, những bài viết về ngành công nghệ thông tin, công nghệ sinh học... Cùng những lời khuyên cho các bạn sinh viên, bậc phụ huynh vẫn được ông cập nhật liên tục.

Và một điều không thể không nhắc đến đó là sự đóng góp to lớn của ông trong lĩnh vực giáo dục. Ông luôn coi trọng thế hệ trẻ, chính bởi những trở ngại đó GS đã cho ra đời những bài báo, tập sách liên quan đến việc chọn ngành nghề của giới trẻ cung cấp thông tin để họ có cái nhìn đa chiều về thực tiễn cuộc sống.

Những bài báo, tập sách mà ông dày công biên soạn được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau. Đặc biệt có một số trường sử dụng nó như những cuốn sách giáo khoa đưa vào chương trình giảng dạy.

Không dừng ở đó, ông còn viết 87 bài đăng tải trên website của mình về chuyên ngành hệ thống thông tin quản lý. Nó giúp các bạn sinh viên cập nhật những vấn đề liên quan đến ngành học cũng như những khó khăn vướng mắc. Đồng thời giáo sư tham gia công tác giảng dạy tại các quốc gia như Ấn Độ, Trung Quốc, Hoa Kỳ... về công nghệ.

Giáo sư John Vũ có niềm đam mê sâu sắc với thiền định, nghiên cứu vấn đề tâm linh dựa trên nền tảng khoa học vững chắc. Hàng loạt những tác phẩm tâm linh ra đời, được bạn đọc đón nhận rộng khắp. Hiện nay, Ông là dịch giả của những cuốn sách được nhiều bạn đọc yêu thích nhất.



Lời cảnh báo của vị Thiền sư trước khi lâm chung

Hoàng Sâm - dịch từ Kannewyork

Một vị thiền sư trước khi lâm chung đã bày tỏ sự sám hối về những việc đã từng làm trong suốt cuộc đời của mình, cũng là lời cảnh báo cho tất cả những người đã và sẽ bước đi trên con đường tu luyện.

Vị thiền sư ấy là một người bạn thân giao nhiều năm của tôi, mắc phải bệnh nan y, trong thiền định mà đối mặt với cái chết, cũng như tham ngộ về cái chết.

Vốn là bạn tốt của nhau, trước lúc ông qua đời, tôi thường xuyên đến thăm và lắng nghe những lời chỉ bảo từ ông ấy. Mỗi lần tôi đến, thấy ông luôn ngồi ngay ngắn, trên gương mặt tiêu tụy luôn mỉm cười.

Chúng tôi ngồi xuống nói chuyện, ông nói: “Cả một đời của tôi đắm chìm trong hư danh. Tuy nhìn bề ngoài rất có tiếng tăm, cũng xuất bản sách, cũng có người theo tôi học Phật, nhưng tôi biết rõ, bản thân mình vốn không thật sự giác ngộ, cũng không thấy được chân ngã của mình, bây giờ nghĩ lại mới thấy tưởng thông minh lại bị thông minh hại”.

Tôi nói: “Các đấng tôn sư xưa nay, chẳng phải cũng có những người đã đắc Đạo trước lúc lâm chung hay sao?”

Ông nói: “Đó là người đại căn khí, buông bỏ vạn duyên, tâm hồn thanh tịnh, không giống loại tiêu căn khí như tôi. Cả đời này của tôi, chính vì rất thông minh, rất có tài, rất có tình, vì vậy mà có quá nhiều thứ không thể buông bỏ được.”

Tôi lại hỏi: “Thế ông gần đây tu luyện thế nào vậy? Mỗi lần tôi tới, đều thấy ông đang ngồi thiền, tôi cũng không đành lòng quấy rầy ông, chỉ đứng ở bên ngoài niệm Phật, cầu nguyện cho ông!”

Thiền sư cười nhạt một tiếng, nói: “Cảm ơn ông! Về chuyện sinh tử, khi nào chết, thậm chí kiếp sau đầu thai nơi nào, tôi đều đã biết được”.

Tôi nói: “Thế chẳng phải là ông đã tu được rất cao rồi sao, ông đã biết được khi nào sẽ chết, đầu thai nơi nào, vậy mà còn chưa khai ngộ sao?”

Thiền sư có chút hồ thẹn nói: “Đấy chỉ là chút bản sự còn con, không con chút quan hệ gì với khai ngộ cả, càng không có quan hệ với việc tìm được chân ngã của mình. Từ khi 3 tuổi, tôi đã có thể nhớ lại nhân duyên đầu thai của mình. Đời này của tôi từ sớm đã biết rõ bản thân ‘sống đến từ đâu’, một đời tu hành chỉ là muốn biết được ‘chết đi về đâu’.

Bây giờ có thể biết rõ ngày chết, cũng biết sau khi chết sẽ đi về đâu, chẳng qua vẫn là luân hồi làm chúng sinh trong Tam giới. Cái kiểu tu hành qua loa này nêu đem so với việc đắc Đạo hoặc khai ngộ hoặc tìm lại được chân ngã của mình thì hãy còn xa lắm”.

Tôi hỏi: “Vậy sao gần đây ông tinh tấn tu hành vậy?”

Thiền sư nói: “Một lòng sám hối những

nghiệp chương đó, tịnh hóa từ trong tâm. Tôi là một người sắp chết, mong sao trước khi chết, thanh lọc nội tâm mình, mấy tháng nay tôi không ngừng sám hối.

Tôi sám hối cho những nghiệp chương tôi đã tạo ra, sám hối cho những việc làm sai trái mà tôi đã phạm phải. Sám hối bản thân mình đã không tận hiếu thật sự, sám hối bản thân mình đã làm tổn thương người thân bạn bè, sám hối bản thân đã từng nói rất nhiều lời ngông cuồng, sám hối bản thân đã từng miện nói một đằng, tâm nghĩ một nẻo, sám hối vì tôi đã làm tổn thương về tâm hồn đối với những cô gái đã từng yêu tôi, sám hối những lời dối trá đối với đồng tu...”.

Thiền sư đã nói nhiều sự tình cần phải sám hối như vậy, lúc nói ông còn chảy nước mắt. Ông nói với tôi: “Một người, trước khi lâm chung mà thành tâm sám hối, chính là buông bỏ gánh nặng, nhẹ nhàng mà lên đường”.

Nói đến câu này, ông nở nụ cười. Ai cũng biết “lên đường” là có ý gì.

Ông muốn tôi tìm một cái thau bằng sắt thật lớn rồi mang những bản thảo trong suốt một đời của ông, cao chừng 1 mét, đốt trước mặt ông.

Giúp ông đốt bỏ ư? Tôi không đành lòng, nói: “Đây vốn là tâm huyết cả đời của ông, có bao nhiêu nhà xuất bản muốn mua bản thảo của ông, cứ sao lại muốn đốt bỏ chứ? Không phải rất tốt sao?” Tôi quả thực không muốn đốt.

Ông nói: “Ông không đốt, vậy thì tôi tự mình đốt. Những thứ này không có giá trị gì hết, không đốt bỏ đi thì dùng để làm gì? Tôi không đặc Đạo, những lời giải thích loạn bậy Phật Pháp kia, suy cho cùng đều chỉ là

ma chương, bản thân tôi vốn biết rất rõ.

Đốt bỏ những bản thảo này để tránh dẫn thế hệ sau làm đường lạc lối, cũng là để tránh tăng thêm tội lỗi của tôi. Bản thân không có tìm được chân ngã của mình, thì hết thấy những gì mình nói ra thấy đều là “chôn cáo hoang”, ông muốn tôi bị sa vào địa ngục sao?”

Ông trầm tĩnh nói: “Tôi cả đời thuyết Pháp giảng Kinh, biện luận thị phi, bởi vì không đặc Đạo, không thấy được chân tướng, nói những lời lộng ngôn cùng những luận giải bất chính, giờ đây, báo ứng tại thân, mắc bệnh tại khoang miệng, thực quản, dạ dày”.

Mặt của ông càng ngày càng gầy gò, bởi vì ngôi thiền nên tinh thần vẫn còn đỡ một chút. Tôi cùng với ông đốt từng quyển từng quyển sách một, gồm cả nhật ký của ông, khá nhiều được dùng bút lông ghi, chữ viết vô cùng ngay ngắn.

Nhìn dáng vẻ điềm tĩnh và thoát tục của ông tôi rất cảm động, cũng muốn trước khi tôi chết, sẽ giống như ông, đốt hết tất cả nhật ký, bản thảo của mình không lưu giữ những thứ tạp nham, hoàn toàn sạch sẽ, không một chút lo lắng mà rời đi. Tâm tư của tôi vừa động, ông cười, nói: “Đừng học theo tôi, học tôi không có tiền đồ gì cả”.

Nhiều lần tôi đến, thiền sư đều nói là đang sám hối nghiệp chương, sám hối tội lỗi trong quá khứ, ông nói với tôi: “Khẩu nghiệp là điều khó sám hối nhất, trong một đời này, tôi giảng Kinh thuyết Pháp, miệng nói ra những lời xằng bậy, nói những điều không phải về người khác, khẩu nghiệp chát cao như núi”.

Ông thở dài: “Cho dù khẩu nghiệp sâu nặng,

tôi vẫn là muốn sám hối cho hết để cái chết được thanh thản. Xem ra, tôi còn phải chết muộn hơn một tháng so với dự tính trước đó, một tháng này chuyên dùng vào việc sám hối khẩu nghiệp. Những người tu Đạo học Phật chỉ nói thôi cũng là tạo nghiệp, huống chi tôi tạo khẩu nghiệp, nói lời không phải, tranh giành đúng sai, nói chuyện không chính đáng, không biết một tháng này có đủ để sám hối không. Chờ tôi sám hối xong rồi, chính là ngày mà tôi sẽ rời đi”.

Ông vừa là người bạn, vừa là người thầy trong nhiều năm của tôi nên tôi rất buồn, hỏi ông: “Ông phải đi rồi, ông có lời khuyên hay cảnh báo sau cùng gì dành cho tôi không?”

Thiền sư nói: “Tôi biết con đường tương lai của ông, nhưng không thể nói ra được, nếu như nói ra thì chính là hại ông vậy. Con đường tương lai ở trong lòng của ông, nếu như vào mỗi buổi tối ông có thể tĩnh tọa nhìn vào trong tâm mình thì cũng sẽ biết được thôi.

Kinh nghiệm trong một đời này của tôi, có thể nói cho ông hay, chính là : Nếu như bản thân không có đức Đạo, không có khai ngộ, không có thấy được chân ngã của mình thì quyết không được làm thầy người ta. Làm thầy người ta thì sẽ hại người ta, dẫn người ta đi sai lệch thì cũng chính là làm hại sinh mệnh người đó, quả báo thật nặng nề, báo ứng của tôi chính ở trước mắt ông đây, vì vậy, quyết không được làm thầy người ta.

Thứ hai, nếu như ông đã khai ngộ, tìm lại được chân ngã của mình rồi, thì vẫn cần phải giữ vững chuyện tu hành. Sau khi tu được cao rồi thì mới bước ra hồng dương Phật Pháp, dẫn cho ông đã có đệ tử, thì cũng hãy nhớ đừng nên tiếp nhận cúng dường, quyết không được ngược đãi đệ tử, những chuyện

trong chốn này tôi đã thấy nhiều rồi, rất nhiều người làm thầy sai khiến đệ tử giống như là dây tó vạy, tội ấy rất nặng.

Thứ ba, chớ coi thường bất kỳ người nào không hiểu Phật Pháp, dẫn cho hiểu biết của họ còn non sót, sai lệch đi nữa thì cũng đều không thể cười nhạo người ta. Tôi trong suốt một đời này đã cười nhạo rất nhiều người có kiến giải sai lệch, kết quả bản thân đã gặp phải báo ứng. Mỗi một người chưa khai ngộ đều có thể là một vị Phật trong tương lai, một khi đã khai ngộ thì chính là Giác giả, ông há có thể cười nhạo Giác giả được? Đạo lý này tôi hiểu, nhưng cái thói xấu xa, bản tính kiêu ngạo dẫn dắt đã rước lấy không ít nghiệp chướng cho mình, hết thấy những gì sám hối trong một tháng gần đây chính là sám hối tội lỗi với những người mà tôi đã từng xem thường trước đây.

Thứ tư, sau này nếu như ông có gặp người khác, cho dù là các đảng tôn sư ngoại đạo đi nữa thì cũng không nên so sánh rằng ai cao ai thấp. Tại cõi người này có vô số Bồ Tát hóa thân dạy bảo người ta, ngoại đạo lẽ nào không có được Bồ Tát giáo hóa chăng? Không nên mang theo cái tâm phân biệt và thành kiến. Ông hãy một lòng lắng nghe, nhìn vào bên trong mình, trí huệ bên trong sẽ tự sinh ra, sinh mãi không ngừng. Bản thân tôi trước đây rất thích tranh luận, rất thích tranh đấu với người ta, lấy ngòi bút làm vũ khí, kết quả bản thân mắc phải ung thư vòm họng, ung thư thực quản, tội nghiệp quả thật là sâu nặng thay”.

Miệng ông đang nói, còn nước mắt thì không ngừng rơi, đó chính là những giọt nước mắt ân hận, giọt nước mắt thức tỉnh, cũng là những giọt nước mắt khuyên răn. Ông nhìn tôi: “Đã nhớ chưa?”. Tôi nói: “Nhớ rồi”.

Trong mười năm nay tôi cũng có một chút hư danh, đôi lúc cũng có một số người tìm đến bái tôi làm thầy, tôi nhớ kỹ lời dạy của thiền sư, trước giờ chưa từng nhận qua đồ đệ. Có người quỳ xuống dập đầu bái lạy tôi, tôi cũng vội vàng quỳ xuống dập đầu bái lạy lại. Đây đều là những lời dạy bảo của thiền sư ấy.

Một tháng sau, ông nói: “Tôi phải đi rồi, vẫn là chuyển sinh ở vùng Tây Bắc, vùng đó tuy nghèo, nhưng con người thật thà chất phát, gốc rễ của tâm linh Phật, Đạo rất sâu, không giống như người Giang Nam, dùng Phật, Đạo để kiếm tiền, cũng không giống như những người Đông Bắc, thực chất bên trong vốn không hề tôn kính Phật. Tôi chuyển sinh vào vùng Tây Bắc, nếu như hai anh em chúng ta có duyên, ba mươi năm sau, còn có thể gặp lại, khi ấy ông là anh cả, tôi là em trai, ông cần phải giúp tôi đấy nhé!”

Chúng tôi đều cười. Tôi nói: “Khi tôi học thiền với ông không có thăng tiến, ông đã từng đá tôi, lúc đó cũng là lúc tôi phải đá lại ông rồi”.

Ông ấy nói: “Nếu được thì hãy cứ đá mạnh một chút, mong sao dưới một cú đá này, tôi sẽ khai ngộ ngay lúc đó”.

Ông thật sự đã ra đi vào đúng cái ngày ông nhận định, nhục thể được hỏa táng. Tôi lấy một chút tro cốt của ông mang theo lúc chuyển nhà. Có một năm, tôi phát hiện cái cây mọc ngoài cửa sổ lại chính là cây hải đường, cây thu hải đường, lúc này mới đột nhiên nhớ lại bài thơ trước lúc lâm chung của ông: “Hải đường phong quá thiên hồn hương, mệnh mộng thanh thiên thị cố hương. Trở lại cầu Đạo, Đạo còn đâu? An khang phúc thọ chẳng mong cầu.”

Tôi bỗng nhiên ngộ ra, liền đem số tro cốt của ông rải xuống dưới cây hải đường bên ngoài cửa sổ. Trước đây chỗ đó vốn có cây thông, trồng được hai năm, do công việc của tiểu khu nên đã dời chuyển cây thông đi chỗ khác, trồng cây hải đường vào đó.

Được khoảng 5 năm, vào mùa hè, hải đường rậm lá, có vô số ve sầu ca hát dưới tán lá. Vào cuối thu, hoa hải đường đỏ chói, tiếng ve kêu dừng hẳn, ban đêm lại yên ắng đến lạ thường, yên ắng đến nỗi khiến người ta cảm thấy không quen với những đêm không có tiếng ve sầu, “tiếng ve ồn ào rừng muông tĩnh, chim kêu đồi núi càng âm u”.

Người ta thường coi “phúc, thọ, an, khang, chêt già” là năm cái phúc của đời người, vị thiền sư đó không cầu năm điều phúc ấy của nhân gian, mà chỉ cầu đại Đạo.

Ông ấy hiển lộ ra điều thần kì khi đoán trước nơi ở sau này của tôi, tro cốt của ông ấy sẽ thấm vào các nhánh cây hải đường. Ông nói những thứ này đều là vô thường cả, còn cách đại Đạo, cách chân ngã của sinh mệnh rất xa. Ngay đến cả tu hành như ông ấy vẫn còn chưa có thoát khỏi sinh tử, chưa có khai ngộ, chưa có tìm được chân ngã của sinh mệnh bản thân mình.

Khi viết bài này, thiền sư ấy đã viên tịch hơn mười năm rồi, nghĩ về chuyện tu hành của bản thân thì thật không khỏi cảm thấy xấu hổ. Vị thiền sư đó là ai vậy? Tôi không muốn nói ra tên của ông ấy, ông ấy đã đốt bỏ toàn bộ bản thảo của mình thì cũng tức là không muốn ai nhớ đến ông ấy nữa. Tôi tin tưởng rằng sẽ có một ngày, tôi sẽ gặp lại ông ấy giữa biên người mệnh mộng.

Hoàng Sâm - dịch từ Kannewyork

Tiếng Đàn Piano Lúc Nửa Đêm

Nguyễn Đại Hoàng

Một ngày anh hẹn chị ra quán cà phê trước nhà ga chính của thành phố Bremen. Câu đầu tiên khi gặp anh, chị nói trong sự cáu gắt:

- Ông lại bán xe rồi hay sao mà đi tàu lên đây?

Anh cúi đầu trả lời lí nhí trong sự hổ thẹn:

- Ừ thì bán rồi, vì cũng không có nhu cầu lắm!

Chị sầm mặt xuống:

- Ông lúc nào cũng vậy, suốt đời không ngóc lên đầu lên được, hẹn tôi ra đây có chuyện gì vậy?

Khó khăn lắm anh mới có thể nói với chị điều mà anh muốn nhờ chị. Chị cũng khó khăn lắm mới có thể trả lời từ chối anh.

- Nhưng mà gia đình tôi đang yên lành, nếu đưa con bé về e sẽ chẳng còn được bình yên nữa. Anh năn nỉ, nhưng thật sự là anh rất bối rối:

- Con bé đã đến tuổi dậy thì, anh là đàn ông, không thể gằn gữ và dạy dỗ chu đáo cho nó được, anh chưa bao giờ cầu xin em điều gì, chỉ lần này thôi, chỉ nửa năm hay vài ba tháng cũng được, em là phụ nữ em gằn nó, em hướng dẫn và khuyên bảo nó trong một thời gian để nó tập làm quen với cuộc sống của một thiếu nữ, sau đó anh lại đón nó về. Chị thờ dài:

- Ông lúc nào cũng mang xui xẻo cho tôi, thôi được rồi, ông về đi, để tôi về bàn lại với chồng tôi đã, có gì tôi sẽ gọi điện thông báo cho ông sau.

Anh nhìn chị với ánh mắt đầy hàm ơn. Anh đứng dậy, đầu cúi xuống như có lỗi, tiễn chị ra xe rồi thờ dài, lúi lúi bước vào nhà ga đáp tàu trở lại Hamburg.

Anh và chị trước kia là vợ chồng. Họ yêu nhau từ hồi còn học phổ thông. Anh đi lao động xuất khẩu ở Đông Đức. Chị theo học Đại học Sư phạm Hà Nội. Ngày bức tường Berlin sụp đổ, anh chạy sang phía Tây Đức. Chị tốt nghiệp đại học và về làm giáo viên cấp 3 huyện Thái Thụy, Thái Bình. Họ vẫn liên lạc và chờ đợi nhau. Khi đã có giấy tờ cư trú hợp lệ, anh về làm đám cưới với chị, rồi làm thủ tục đón chị sang Đức.

Vừa sang Đức, thấy bạn bè anh ai cũng thành đạt, đa số cũng có nhà hàng, hay cửa tiệm buôn bán, chỉ có anh là vẫn còn đi làm phụ bếp thuê cho người ta.

Chị trách anh vô dụng. Anh không nói gì, chỉ hơi buồn vì chị không hiểu, để có đủ tiền bạc và điều kiện lo thủ tục cho chị sang được đây, anh đã vất vả tiết kiệm mấy năm trời mới được. Nên không dám mạo hiểm ra làm ăn.

“Đồ cù lần, đồ đàn ông vô dụng...”, đó là câu nói cửa miệng chị dành cho anh, sau khi anh và chị có bé Hương.

Bé Hương sinh thiếu tháng, phải nuôi lỏng

kính đến hơn nửa năm mới được về nhà. Khi bác sĩ thông báo cho vợ chồng anh biết bé Hương bị thiếu năng bẩm sinh. Giông tố bắt đầu thực sự nổi lên từ đó. Chị trách anh, đến một đứa con cũng không làm cho ra hồn, thì hỏi làm được gì chứ. Anh ngậm đắng nuốt cay nhận lỗi về mình và dồn hết tình thương cho đứa con gái xấu số.

Bé Hương 3 tuổi mà chưa biết nói. Chị cũng rất thương con, nhưng vì bận bịu làm ăn nên việc chăm sóc con bé hầu hết là do anh làm. Vì vậy mà con bé quần quít bố hơn mẹ. Biết vậy nên chị cũng rất yên tâm và nhẹ nhõm nhường quyền nuôi dưỡng con bé cho anh khi làm thủ tục ly hôn. Ly dị được gần 1 năm thì chị tái giá. Chị sinh thêm một đứa con trai với người chồng mới.

Thành phố Bremen là thành phố nhỏ. Người Việt ở đó hầu như đều biết nhau. Chị cảm thấy khó chịu khi thỉnh thoảng bắt gặp cha con anh đi mua sắm trên phố. Chị gặp anh và nói với anh điều đó. Anh biết ý chị nên chuyển về Hamburg sinh sống.

Chị không phải là người vô tâm, nên thỉnh thoảng vẫn gửi tiền nuôi dưỡng con cho anh. Trong những dịp năm mới hay Noel, chị cũng có quà riêng cho con bé, nhiều năm, nếu có thời gian, chị còn đến trực tiếp tặng quà cho con bé trước ngày lễ Giáng sinh nữa.

Thấm thoát đó mà giờ đây con bé đã sắp trở thành một thiếu nữ. Tuy chị không biết cụ thể thế nào. Nhưng chị biết dù con bé lớn lên trong tật nguyền hẩm hiu, nhưng anh rất thương nó. Chị cũng biết con bé gặp vấn đề trong giao tiếp, phải đi học trường khuyết tật. Nhưng con bé rất ngoan. Anh cũng không phải vất vả vì nó nhiều. Nó bị bệnh thiếu năng, trí tuệ hạn chế, phát âm khó

khăn. Tuy vậy nó vẫn biết tự chăm sóc mình trong sinh hoạt cá nhân. Thậm chí nó còn biết giúp anh một số công việc vặt vặt trong nhà.

Chồng chị đã đồng ý cho chị đón con bé về tạm sống với chị vài tháng, với điều kiện trong thời gian con bé về sống chung với vợ chồng chị, anh không được ghé thăm. Chị cũng muốn thế, vì chị cảm thấy hổ thẹn khi phải tiếp xúc với vẻ mặt đần độn dài dại của anh.

Vợ chồng chị đã mua nhà. Nhà rộng, nên con bé được ở riêng một phòng. Chị đã xin cho con bé theo học tạm thời ở một trường khuyết tật ở gần nhà. Con bé tự đi đến trường và tự về được. Đi học về, nó cứ thui thủi một mình trong phòng. Đứa em trai cùng mẹ của nó, mẹ nó, và bố dượng nó rất ít khi quan tâm đến nó. Niềm vui duy nhất của nó là chờ điện thoại của bố. Nó phát âm không chuẩn và nói rất khó khăn, nên hầu như nó chỉ nghe bố nói chuyện. Bố dặn dò nó rất nhiều và thỉnh thoảng còn hát cho nó nghe.

Em trai nó học thêm Piano, nên nhà mẹ nó có cái đàn Piano rất đẹp để ở phòng khách. Có lần nó sờ và bấm bấm vài nốt. Mẹ mắng nó không được phá đàn của em. Nên từ đó nó không dám đụng đến nữa. Có hôm anh gọi điện thoại cho nó, nó nghèn nghẹn nói lỏm bõm,.. đàn..đàn...klavia.... con muốn... Anh thở dài và hát cho nó nghe. Tháng đầu, hầu như ngày nào anh cũng gọi điện thoại cho nó. Rồi thưa dần, thưa dần. Cho đến một ngày anh không gọi cho nó nữa. Sau một tuần đặng đặng không nghe anh gọi điện thoại. Con bé bỏ ăn và nằm bẹp ở nhà không đi học. Chị không biết gì cứ mắng nó dở chứng.

Một đêm, chị bỗng bật choàng dậy khi nghe tiếng đàn Piano vang lên. Chị chạy ra phòng khách, thấy con bé đang ngồi đánh đàn say

sua. Nó vừa đánh vừa hát thì thâm trong miệng. Chị cứ há hốc mồm ra kinh ngạc. Chị không thể tưởng tượng nổi là con bé chơi Piano điêu luyện như vậy. Chị chợt nhớ ra, đã có lần anh nói với chị, con bé ở trường khuyết tật có học đàn Piano, cô giáo khen con bé có năng khiếu. Lần đó chị tưởng anh kể chuyện lấy lòng chị nên chị không quan tâm.

Chị đến gần sau lưng nó, và lặng lẽ ngắm nhìn nó đánh đàn. Chị cúi xuống và lắng nghe con bé hát thâm thì cái gì. Chị sờn cả da gà, khi chị nghe con bé hát rõ ràng từng tiếng một, mà lại là hát bằng tiếng Việt hẳn hoi:

“...Nhớ những năm xa xưa ngày cha đã già với bao sầu lo... sống với cha êm như làn mây trắng... nhớ đến năm xưa còn bé, đêm đêm về cha hôn chúng con.... với tháng năm nhanh tựa gió..... ôi cha già đi cha biết không...”

Chị vòng tay ra trước cổ nó và nhẹ nịu, ôm nó vào lòng. Lần đầu tiên chị ôm nó âu yếm như vậy. Chị thấy tay mình âm ẩm. Nó ngừng đàn đưa tay lên ôm riết tay mẹ vào lòng ngực. Nó khóc. Chị xoay vai nó lại, nhìn vào khuôn mặt đầm đìa nước mắt của nó. Nó chìa cho chị một tờ giấy giấy khổ A4 đã gần như nhàu nát. Chị cầm tờ giấy và chăm chú đọc, rồi thờ hất ra nhìn nó hỏi, - Con biết bố con bị ung thư lâu chưa. Nó chìa bốn ngón tay ra trước mặt mẹ. Chị hỏi, - bốn tháng rồi hả. Nó gật đầu. Chị nhìn chăm chăm vào tờ giấy, và từ từ ngồi thụp xuống nền nhà, rũ rượi thờ dài.

Con bé hốt hoảng đến bên mẹ, ôm mẹ vào lòng, vuốt mặt mẹ, rồi vừa áp úng nói vừa ra hiệu cho mẹ. Đại ý là nó diễn đạt rằng: - ”Bố lên ở trên Thiên Đường rồi, mẹ yên tâm, con

đã xin vào nội trú ở trường dưới Hamburg, ngày mai con sẽ về dưới đó, con không ở lại đây lâu để làm phiền mẹ và em dâu, con về ở tạm đây là vì bố muốn thế, bố muốn mình ra đi được nhẹ nhàng và yên tâm là có mẹ ở bên con..”

Chị cũng ôm nó vào lòng, vỗ vỗ vào vai nó và nói, con gái ngoan của mẹ, ngày mai nếu mẹ sắp xếp được công việc, mẹ sẽ đưa con về Hamburg....

Đoạn kết:

Tôi nghe người ta kể lại câu chuyện đó, khi đi dự một cuộc biểu diễn nghệ thuật của học sinh khuyết tật và khiếm thị. Khi thấy em gái đệm đàn piano cho dàn đồng ca, cứ khăng khăng đòi phải đàn và hát bài hát “Người Cha Yêu Dâu” bằng tiếng Việt trước, sau đó mới chịu đệm đàn cho dàn đồng ca tiếng Đức. Quá kinh ngạc nên tôi cứ gạn hỏi mãi người trong ban tổ chức. Cuối cùng họ đã kể cho tôi nghe câu chuyện như vậy.

* Lời phụ của Nguyễn Đại Hoàng:

Câu chuyện đơn giản, không nhiều tình tiết, đã lấy đi nước mắt của nhiều người đọc. Tôi hình dung được cảnh người cha Việt Nam gầy ốm bệnh tật và đưa con gái tật nguyền tới nghiệp của anh trên đất khách quê người. Tôi như thấy được hình ảnh đứa con gái tưởng nhớ người cha - mà em biết đã mất rồi – qua tiếng đàn Piano. Tôi biết tiếng đàn ấy đau đớn biết bao. Tôi nghe được cả lời ca nghẹn ngào của em ...

Nhớ những năm xa xưa ngày cha đã già với bao sầu lo... sống với cha êm như làn mây trắng... nhớ đến năm xưa còn bé, đêm đêm về cha hôn chúng con.... với tháng năm

nhanh tựa gió... ôi cha già đi cha biết không... ”.

Em bé Việt Nam ở phương trời xa lạ kia ơi em thật là vĩ đại! Tôi hãnh diện vì em biết bao!

Nguyễn Đại Hoàng

Vi Tiểu

Huyền Không Tử

Vi Tiểu là gì?

Phải chăng là "niêm hoa vi tiểu" hay những nghịch lý khôi hài?

Là nụ cười bao dung hỷ xả hay những lời châm biếm chua cay?

Là tiếng cười vang tự đáy lòng hay chỉ là cái nhếch môi vô tâm vô sự?

Là công án Thiền của thời đại hay chỉ là những chuyện tiểu thường tình?

Là dụng tâm chỉ trích phá hoại hay thiện ý khai thị mạch nguồn?

...

Là gì cũng được, xin tùy các bạn!

Huyền Không Tử.

Cá rô cây

Lão hành khất vào ngòi trong hiên chùa bắt đầu bữa ăn xin được trong ngày: Ít vớt com, muối và... một con cá rô cây.

Người gác chùa quan sát bữa ăn, thấy con cá rô cây, ông châm biếm:

- Này ông lão, ông làm gì với con cá gỗ ấy, hay cuối cùng cũng chỉ com với muối?

Lão hành khất đưa tay chỉ tượng Phật bằng đá trên tòa sen giữa Chánh điện, trả đũa:

-Này ông bạn, còn bạn làm gì với tượng Phật đá kia, hay cuối cùng cũng chỉ vô minh với ái dục?

Buôn Bán.

Mỗi ngày hai thời Kinh, không lần nào Sư vắng mặt, dù khi mưa gió, nóng bức, khi tụng cùng chúng hay lẫn một mình.

Trong viện có vị Tăng ưa thích phóng khoáng, bất chấp nghi lễ, rất ít tụng kinh lễ Phật. Một hôm gặp Sư, Vị Tăng nói:

- Được lợi ích gì mà Thầy tụng kinh?

Sư đáp:

- Lại thêm một gã thầy chùa buôn bán.

Tiếng Hét

Sư đang giảng thao thao trước thính chúng. Có người đứng dậy hét lớn:

-Xưa Lâm Tế chỉ với một tiếng hét đủ khai được đạo,đâu cần lắm lời như vậy.

Sư hét!

Người kia ôm tai chuồn mất. Sư nói:

- Tưởng là con cháu Lâm Tế, té ra chỉ là loài mọt sách.

Lặng Lẽ

Gã thanh niên xin thọ giáo Thiền Sư chỉ cửa sổ thiền đường bảo:

- Hãy nhìn cảnh vật bên ngoài với tâm lặng

lẽ.

Từ đó mỗi ngày anh đến thiền đường thực hành lời dạy, quả nhiên tâm hồn thanh thản, nhẹ nhàng; một đám mây trôi qua trên bầu trời, những giọt sương long lanh đầu ngọn cỏ, con chim hót trên cành, đóa hoa vàng mới nở, gió thoảng, lá bay... nhất nhất đều hiện ra trước cái nhìn trong sáng hồn nhiên và lặng lẽ. Anh sung sướng nhủ thầm: "Thê là mình đã thể nhập vạn pháp".

Rồi một buổi sáng mùa xuân, bên cửa sổ thiền đường bỗng hiện bóng dáng một giai nhân tuyệt sắc. Giữa muôn hoa rực rỡ, giữa ánh nắng bình minh, nàng xuất hiện như một tác phẩm nghệ thuật toàn bích và sống động.

Tim anh đập mạnh, trí anh bàng hoàng, tâm anh giao động đến nỗi thiếu nữ đã đi qua tự bao giờ mà tưởng chừng như bóng dáng vẫn còn lảng vảng đâu đây, khi ẩn khi hiện, khi còn khi mất...

Mây, nắng, cỏ, cây ngoài cửa sổ đều trở nên mờ ảo, chừng như chỉ còn lại đâu đó một bóng hình hư như thực.

Chợt nhớ lời Thầy dạy. Anh giật mình định thần nhìn ra cửa sổ. Cảnh vật lại hiện ra, nhưng chẳng bao lâu lại chìm đi sau một bóng hình mờ ảo. Anh buồn bực, nhủ thầm: "Thê là mình đã đánh mất tâm thể vạn pháp".

Không sao giải quyết được sự xung đột nội tâm này, anh quyết định gặp Sư để trình bày tâm bệnh, xin lời chỉ dẫn.

Sư nói:

- Hãy nhìn hình bóng bên trong với tâm lặng lẽ.

Ló Đuôi Mèo.

Khách đến viếng Sư, hỏi:

- Yếu nghĩa chuyện Nam Tuyền trăm miêu là gì?

Sư rót trà nói:

- Dùng trà đi tắt gặp Nam Tuyền.

Đứng hầu sau lưng, Vô Văn nói nhỏ với Đa Văn:

- Mèo của ông ấy mới ló đuôi đã bị Thầy chặt rồi.

Cũng Sẽ Quyên Sinh.

Một chàng thanh niên thất thểu leo lên núi, định nhảy xuống vực sâu tự tử. Bồng Đạo Sĩ Cầu Đắc ở trong núi xuất hiện kịp thời ngăn cản:

- Sao con lại quyên sinh?

- Thưa vì con chán đàn bà. Không người đàn bà nào trung thành cả.

Đạo Sĩ nói:

- Nhưng nếu có người đàn bà trung thành với con mãi mãi thì con cũng sẽ quyên sinh.



VỀ bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

**Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học**



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

**Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252**

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368